

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

*Nguyễn Thị Hồng Cúc*

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ  
NƯỚC NGOÀI TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**Nguyễn Thị Hồng Cúc**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ  
NƯỚC NGOÀI TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8380102

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
TS. THÁI THỊ TUYẾT DUNG

HÀ NỘI - 2018

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan: Đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các tài liệu, số liệu trong luận văn là trung thực và chính xác, những kết quả nghiên cứu của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác nếu có sự gian dối, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Nguyễn Thị Hồng Cúc**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>HĐTTTP</b>	Hiệp định tương trợ tư pháp.
<b>PBGDPL</b>	Phổ biến giáo dục pháp luật.
<b>MGKH</b>	Môi giới kết hôn.
<b>Nxb</b>	Nhà xuất bản.
<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân.

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI</b> .....	8
1.1. Những vấn đề lý thuyết về hôn nhân có yếu tố nước ngoài .....	8
1.2. Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.....	22
1.3. Vai trò của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.....	29
1.4. Các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài .....	30
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH LONG AN</b> .....	35
2.1. Các yếu tố đặc thù của tỉnh Long An có ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.....	35
2.2. Tình hình quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An. ....	37
2.3. Đánh giá về công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An. ....	47
<b>Chương 3: HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY</b> .....	60
3.1. Quan điểm và định hướng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài .....	60
3.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài .....	63
<b>KẾT LUẬN</b> .....	79
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Gia đình - hạt nhân cốt lõi của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình lại càng tốt hơn, sự tác động và chi phối lẫn nhau giữa gia đình và xã hội được khẳng định rõ nét trong hôn nhân bởi lẽ, nền tảng vững chắc để xây dựng gia đình chủ yếu là xuất phát từ quan hệ hôn nhân.

Ngày nay, trong xu thế hội nhập - quốc tế hoá ngày càng được mở rộng thì hòa vào sự phát triển của nền kinh tế, quan hệ hôn nhân cũng được hình thành dưới nhiều góc độ khác nhau của xã hội, dựa trên những nguyên tắc nhất định trong đó có quan hệ hôn nhân giữa các cá nhân có quốc tịch khác nhau hoặc cư trú tại các nước khác nhau (quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài). Đây là một quan hệ phức tạp và khá nhạy cảm bởi nó liên quan đến pháp luật của nhiều quốc gia và chính sách đối ngoại giữa các quốc gia nên việc quản lý rất được coi trọng.

Do tính chất phức tạp vốn có của quan hệ này, nhà nước đã kịp thời thừa nhận và bảo vệ thông qua hình thức ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh, cụ thể là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình (Nghị định số 126/2014/NĐ-CP). Về mặt trình tự, thủ tục có Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Nghị định số 123/2015/NĐ-CP); Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP (Thông tư số 15/2015/TT-BTP). Các văn bản trên

đã góp phần hoàn thiện những quy định pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội và tạo điều kiện cho mọi công dân thực hiện quyền tự do và kết hôn.

Tuy nhiên, như một quy luật của sự phát triển xã hội, các quy định hiện hành không thể dự liệu điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh ngày một đa dạng, phong phú. Đặc biệt, sau khi Luật Hộ tịch năm 2014 được ban hành, việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài được chuyển giao thẩm quyền cho UBND cấp huyện thực hiện cùng với những quy định đơn giản hóa về mặt thủ tục nhưng lại thiếu những biện pháp quản lý hiệu quả đã gây ra nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện. Chính vì vậy yêu cầu đặt ra là cần có biện pháp quản lý một cách chặt chẽ để tạo điều kiện cho các quan hệ này phát triển một cách lành mạnh, tránh những rủi ro không đáng có khi công dân Việt Nam tham gia các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Tỉnh Long An nằm ở vị trí cửa ngõ, nơi kết nối giữa TP. Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế lớn nhất Việt Nam với các tỉnh miền Tây Nam Bộ, phía Đông có cảng biển ra cửa sông Soài Rạp, cách biển đông 15 km, phía Tây có các cửa khẩu sang Campuchia, một vị trí rất thuận lợi cho việc tiếp cận đầu tư của các nước trong khu vực, Long An cũng là một trong những tỉnh có tỷ lệ kết hôn có yếu tố nước ngoài cao trong cả nước, công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài được đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập đặt ra so với nhu cầu thực tiễn, đòi hỏi công tác quản lý cần có sự đổi mới.

Từ thực tiễn nêu trên, tác giả chọn đề tài “Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Long An” làm luận văn tốt nghiệp của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Ở Việt Nam vấn đề quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài mặc dù được một số nhà nghiên cứu quan tâm nhưng các công trình nghiên cứu có tính chất chuyên khảo về vấn đề này vẫn còn rất khiêm tốn, vấn đề quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài chỉ là một phần trong các công trình nghiên cứu như chuyên đề, luận văn thạc sĩ và một số bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành có thể kể đến như sau:

Bài: *“Vấn đề quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”*, tác giả Thái Công Khanh, Tạp chí Tòa án nhân dân số 04/2000;

Bài: *“Nâng cao năng lực đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch trong giai đoạn hiện nay”*, tác giả Trần Văn Quảng, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật tháng 9 năm 2006;

Bài: *“Một số vướng mắc trong việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở Đồng Nai và một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi”*, tác giả Văn Hồng Tiến, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật tháng 10/2017;

Chuyên đề: *“Tình hình kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực phía Nam - Thực trạng và giải pháp”* Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;

Sổ chuyên đề về *“Công chứng, Hộ tịch và Quốc tịch”*, phần 2 Hộ tịch và Quốc tịch, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2007;

Chuyên đề: *“Tình hình thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”*, Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2014);

Luận văn thạc sĩ: *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam trong xu hướng hội nhập”* tác giả Nguyễn Cao Hiến;

Luận văn thạc sĩ: *“Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Cà Mau”*, Tác giả Lê Minh Hiền;



Các bài viết, các công trình nghiên cứu nêu trên đã giúp cho tác giả có cách nhìn tổng quan về hôn nhân có yếu tố nước ngoài cũng như cung cấp cho tác giả nhiều tư liệu và các luận điểm khoa học quan trọng, giúp cho tác giả trong việc kế thừa và phát triển đề tài này. Tuy nhiên, các bài viết, các công trình nghiên cứu này đã không còn tính thời sự, phần lớn nội dung của các bài viết chỉ dừng lại ở việc định hướng hoàn thiện một cách chung chung mà không đi sâu vào phân tích các vấn đề có tính hệ thống về mặt lý luận và chỉ ra từng hạn chế, để từ đó đưa ra hướng hoàn thiện cụ thể. Bên cạnh đó, đến nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu trực tiếp lĩnh vực quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An. Do đó, đề tài nghiên cứu “Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An” sẽ giúp có cái nhìn tổng quát hơn, toàn diện hơn về công tác quản lý nhà nước lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật và thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Long An, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt mục đích nghiên cứu trên, luận văn có các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Đưa ra cơ sở lý luận và pháp lý về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên cơ sở phân tích khái niệm, đặc điểm và các quy định pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; làm rõ nội hàm khái niệm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài và các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- Khảo sát thực tiễn quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An, sau đó đánh giá những kết quả đạt được, những khiếm khuyết, hạn chế cần khắc phục và nguyên nhân của những khiếm khuyết, hạn chế.

- Đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận, những Điều ước quốc tế, những quy định của pháp luật Việt Nam cũng như một số nước trên thế giới về hôn nhân có yếu tố nước ngoài và thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là một đề tài rộng, phức tạp, liên quan đến hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia, trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, tác giả sẽ chỉ tập trung đi sâu nghiên cứu vấn đề kết hôn, về mặt không gian là trên địa bàn tỉnh Long An, thời gian từ đầu năm 2013 đến hết năm 2017.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Cơ sở lý luận của luận văn là những luận điểm quản lý hành chính nhà nước Việt Nam về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đồng thời có tham khảo và kế thừa có chọn lọc một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin ngoài ra đề tài còn sử dụng một số phương pháp sau:

- Phương pháp lịch sử: Phương pháp này được áp dụng khi nghiên cứu đề tài nhằm làm rõ sự phát triển có tính kế thừa của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

- Phương pháp phân tích: Các vấn đề mà đề tài đặt ra sẽ được mổ xẻ về mặt lý luận để thấy rõ tính khoa học của việc điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong phạm vi quốc gia và trong phạm vi quốc tế.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng để đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành so với các quy định trước đó và quy định pháp luật của một số nước trên thế giới đặc biệt phương pháp này sẽ được áp dụng khi nghiên cứu về nội dung của các quy định pháp luật so với những vấn đề lý luận nhằm rút ra những điểm đã và chưa phù hợp trong quy định của pháp luật so với lý luận, với mục đích hoàn thiện các quy định pháp luật đó.

- Phương pháp tổng hợp: Áp dụng phương pháp tổng hợp nhằm rút ra những vấn đề cơ bản về mặt lý luận. Việc làm này nhằm tìm ra những ưu điểm và hạn chế trong việc quy định về nội dung quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ là nguồn tư liệu để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tham khảo, góp phần hoàn thiện một số quy định pháp luật có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Đồng thời, những kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được dùng làm tư liệu học tập, tài liệu tham khảo nghiên cứu đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp lý của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Long An.

Chương 3. Hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở nước ta hiện nay.

## Chương 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

#### 1.1. Những vấn đề lý thuyết về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

##### 1.1.1. *Khái niệm và đặc điểm hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

###### 1.1.1.1. *Khái niệm hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

Hôn nhân là một hiện tượng xã hội đặc biệt, trong đó các bên chủ thể gắn kết với nhau với mục đích tạo dựng một tế bào của xã hội là gia đình. Hôn nhân thường là kết quả của tình yêu và dựa trên sự tự nguyện của các bên chủ thể nhằm xây dựng một mối quan hệ bền vững. Hôn nhân là quan hệ gắn liền với nhân thân của mỗi bên chủ thể. Mục đích của các bên trong quan hệ hôn nhân là nhằm thỏa mãn nhu cầu tình cảm và tương trợ lẫn nhau về những nhu cầu vật chất trong đời sống hàng ngày.

Hôn nhân nếu hiểu theo nghĩa thông thường là việc trai lấy vợ, gái lấy chồng, trai gái lấy nhau làm vợ chồng, khi đến một độ tuổi nhất định thì hai bên nam nữ sẽ thiết lập quan hệ vợ chồng với nhau nhằm chia sẻ tình cảm, gánh vác công việc, sinh con và nuôi dạy con. Hiểu một cách đầy đủ, toàn diện thì hôn nhân là sự liên kết giữa một người nam và một người nữ, trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nhằm cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững [22, tr. 11].

Trong một số văn bản khác lại có những cách hiểu khác nhau về hôn nhân như:

Theo từ điển Tiếng Việt của Trung tâm từ điển - Nhà xuất bản Lao động năm 2006 thì khái niệm hôn nhân được hiểu là: “*Việc nam nữ chính thức lấy nhau làm vợ chồng*” [40].

Từ điển Giải thích Thuật ngữ Luật học của Trường Đại học Luật Hà Nội thì cho rằng “*Hôn nhân là sự liên kết pháp lý giữa người nam với người nữ dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng theo điều kiện và trình tự luật định, nhằm chung sống với nhau suốt đời và xây dựng gia đình hạnh phúc và hòa thuận*” [41].

Theo quan điểm triết học hôn nhân được hiểu như là một sự liên kết tự nguyện giữa những con người bình đẳng, trong đó tình yêu thương và sự kính trọng giữ vai trò quyết định.

Theo cuốn Tìm hiểu Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động thì cho rằng “*Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đã thực hiện các quy định của pháp luật về kết hôn, nhằm chung sống với nhau và xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững*” [21].

Khái niệm hôn nhân mặc dù có thể có rất nhiều cách hiểu khác nhau song về cơ bản là thống nhất, theo đó bản thân tác giả thống nhất với cách hiểu “*Hôn nhân là sự liên kết giữa một người nam và một người nữ, trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nhằm cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững*”.

Sự liên kết giữa một nam, một nữ để dành cho nhau sự giúp đỡ, sự hỗ trợ cần thiết, để tạo lập một gia đình. Tuy nhiên, ở một số nước hôn nhân có thể xác lập giữa một người đàn ông và nhiều người đàn bà (hôn nhân đa thê), ở một vài bộ tộc sống theo nền nếp hình thành từ thời kỳ sơ khai của nền văn minh, chế độ đa phu được thừa nhận: Một người đàn bà có thể chung sống với nhiều người đàn ông cùng một lúc. Mặt khác, ở một số nước lại xuất hiện xu hướng cho rằng sự khác biệt giới tính không phải là điều kiện bắt buộc của hôn nhân: Những người cùng giới tính vẫn có thể sống với nhau và tạo thành một gia đình. Đối với xã hội phương đông, nhất là đối với xã hội Việt Nam,

tình yêu giữa những người cùng giới tính được coi là biểu hiện của một tình trạng bệnh tật và hôn nhân giữa những người cùng giới tính là một giao dịch không chỉ nằm ngoài vòng pháp luật mà còn nằm ngoài khuôn khổ đạo đức pháp lý. Ở nước ta, chỉ thừa nhận hôn nhân khác giới, một vợ, một chồng được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn”*.

Ngày nay, cùng với tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa đến sản xuất, kinh tế, thương mại thì quan hệ hôn nhân cũng có sự biến đổi không nhỏ, sự mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu trên mọi lĩnh vực giữa các nước trên thế giới là cơ hội cho nhiều người nước ngoài đến Việt Nam công tác cũng như công dân Việt Nam ra nước ngoài gặp gỡ, giao lưu tìm hiểu nhau. Từ việc đi du lịch, đi du học, đi hợp tác lao động tới việc kết bạn, hẹn hò thông qua các trang mạng xã hội đã khiến cho hôn nhân có yếu tố nước ngoài ngày càng trở nên phổ biến. Tuy nhiên hiện nay, không có một văn bản nào định nghĩa thế nào là hôn nhân có yếu tố nước ngoài, các văn bản thường giải thích từ ngữ theo cụm *“hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”*. Hôn nhân và gia đình về mặt lý luận là hai khái niệm độc lập, nếu hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn thì gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định pháp luật. Về nội hàm, khái niệm gia đình rộng hơn khái niệm hôn nhân, về mặt chủ thể quan hệ hôn nhân chỉ gồm quan hệ giữa vợ và chồng còn quan hệ gia đình không chỉ quan hệ giữa vợ và chồng mà còn có những người khác dựa trên quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hai khái niệm lại này có sự gắn bó mật thiết với nhau, hôn nhân là cơ sở tạo nên gia đình do vậy ta hoàn toàn có thể xem xét khái niệm hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong khái niệm hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Theo quy định tại Khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài là quan hệ hôn nhân và gia đình mà ít nhất một bên tham gia là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; quan hệ hôn nhân và gia đình giữa các bên tham gia là công dân Việt Nam nhưng căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài, phát sinh tại nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài*”.

Từ khái niệm trên, ta có thể rút ra ba dấu hiệu để xác định một quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đó là: Chủ thể của quan hệ hôn nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ hôn nhân phát sinh ở nước ngoài và yếu tố tài sản trong quan hệ hôn nhân ở nước ngoài.

Quan hệ hôn nhân bao gồm tổng thể ba quan hệ: Quan hệ kết hôn; quan hệ vợ, chồng và quan hệ chấm dứt hôn nhân. Như đã trình bày ở lời nói đầu khi nghiên cứu quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tác giả sẽ tập trung đi sâu nghiên cứu về quan hệ kết hôn có yếu tố nước ngoài. Từ khái niệm hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài như đã phân tích và khái niệm kết hôn quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Kết hôn là việc nam nữ xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn*”. Ta có thể định nghĩa kết hôn có yếu tố nước ngoài: *Là việc nam, nữ xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, trong đó có ít nhất một bên chủ thể là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc việc kết hôn được xác lập ở nước ngoài và theo pháp luật nước ngoài.*

Có thể hiểu, kết hôn chính là sự kiện đánh dấu sự chính thức của hôn nhân, về mặt xã hội là lễ cưới, về mặt pháp luật là việc đăng ký kết hôn khi



đáp ứng đủ các điều kiện luật định không phân biệt hôn nhân trong nước hay hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

#### *1.1.1.2. Đặc điểm của hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

Cũng như quan hệ hôn nhân trong nước, hôn nhân có yếu tố nước ngoài có các đặc điểm sau:

**Tính tự nguyện:** Hôn nhân là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, do đó việc thể hiện ý chí ưng thuận giữa các bên trong hôn nhân là một trong các điều kiện căn bản để hôn nhân có hiệu lực. Việc hai người xác lập quan hệ hôn nhân một cách tự nguyện được hiểu là trường hợp xác lập quan hệ vợ chồng với nhau hoàn toàn tự do thể hiện ý chí của chính bản thân họ, xuất phát từ tình yêu chân chính không chịu sự tác động từ bất cứ một chủ thể nào khác. Kết hôn hay ly hôn là quyền chứ không phải nghĩa vụ. Tính tự nguyện trong hôn nhân được ghi nhận Khoản 1 Điều 36 của Hiến pháp năm 2014 và tại Khoản 1 Điều 2 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Dù là quan hệ hôn nhân trong nước hay quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì sự tự nguyện trong hôn nhân rất quan trọng bởi điều này là yếu tố quyết định sự bền vững hạnh phúc và lâu dài của cuộc hôn nhân.

**Tính bền vững:** Điều này xuất phát từ mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình, ổn định và phát triển xã hội, gia đình bắt đầu từ hôn nhân, từ quan hệ vợ chồng về tình cảm mà phát sinh các quan hệ giữa cha, mẹ và con, quan hệ giữa anh, chị, em và đó cũng là những điều kiện đảm bảo cho sự liên kết hạnh phúc, bền vững trong hôn nhân, hôn nhân có bền vững thì gia đình và xã hội mới ổn định và phát triển. Tính bền vững ở đây có thể được hiểu là hôn nhân được xây dựng trên yếu tố tình cảm giữa các chủ thể không phải vì mục đích thỏa mãn nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần tại một thời điểm ngắn, ngày nay nó có thể chấm dứt bằng con đường ly hôn tuy nhiên ngay tại

thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân các chủ thể đều mong muốn duy trì cuộc hôn nhân suốt đời.

**Tính một vợ, một chồng:** Hôn nhân một vợ, một chồng là quan hệ hôn nhân được xác lập khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, theo đó cá nhân đã kết hôn chỉ được có một vợ hoặc một chồng. Đồng thời, trong thời kỳ hôn nhân, nam, nữ không được kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác. Trong xu thế tiến bộ của xã hội đặc biệt là khi nam nữ ngày càng bình đẳng, sự khẳng định cá nhân con người ngày càng lớn, đạo đức mới của con người phủ nhận kiểu hôn nhân một chồng nhiều vợ, hoặc một vợ nhiều chồng như trước đây mà đòi hỏi tình yêu nam, nữ phải biểu hiện trong mối quan hệ thủy chung một vợ, một chồng.

**Hôn nhân chỉ tồn tại giữa những người khác giới tính:** Xuất phát từ ý nghĩa thực chất của hôn nhân là xây dựng gia đình thể hiện trong việc sinh đẻ, nuôi dưỡng và giáo dục con cái, đáp ứng lẫn nhau những nhu cầu vật chất và tinh thần trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, hôn nhân là sự liên kết giữa những người khác giới tính là một đặc điểm vừa mang tính tự nhiên vừa mang tính xã hội, để bảo đảm mục đích của hôn nhân được thực hiện, đồng thời để bảo vệ yếu tố đạo đức truyền thống và tính tự nhiên trong hôn nhân.

**Hôn nhân là sự liên kết theo quy định pháp luật:** Với vị trí là một thiết chế xã hội, hôn nhân có vai trò là cơ sở xây dựng gia đình, tế bào của xã hội. Điều đó không chỉ có ý nghĩa riêng tư mà còn có ý nghĩa xã hội bởi vì trên cơ sở phát sinh quan hệ vợ chồng, các quan hệ thân thuộc trong gia đình và các quan hệ thích thuộc được thiết lập và làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ đạo đức, pháp lý giữa các chủ thể trong gia đình, việc phát sinh tồn tại và chấm dứt hôn nhân đều có những ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến các quan hệ gia đình. Vì vậy, hôn nhân phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật về

điều kiện kết hôn, nghi thức kết hôn, quan hệ giữa vợ và chồng, chấm dứt hôn nhân...

Ngoài các đặc điểm trên hôn nhân có yếu tố nước ngoài còn có các đặc điểm riêng như:

**Pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài:** Quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài có chủ thể tham gia ngoài công dân Việt Nam còn có chủ thể là người nước ngoài; có căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan ở nước ngoài nên việc điều chỉnh không chỉ phụ thuộc vào pháp luật trong nước mà còn phụ thuộc vào pháp luật nước ngoài và các Điều ước quốc tế.

**Yếu tố chủ thể:** Có ít nhất một bên chủ thể là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, “*Người nước ngoài là người không có quốc tịch ở nước mà họ đang cư trú*” [25, tr. 66]. Theo định nghĩa trên, người nước ngoài bao gồm người có một hoặc nhiều quốc tịch nước ngoài mà không có quốc tịch nước sở tại và người không có quốc tịch. Như vậy, cơ sở pháp lý để xác định một người có phải là người nước ngoài hay không chính là vấn đề quốc tịch, “*Quốc tịch là mối quan hệ pháp lý giữa công dân với nhà nước, quan hệ này có tính bền vững, ổn định, trong đó nhà nước có quyền và nghĩa vụ với công dân và công dân cũng có quyền và nghĩa vụ đối với nhà nước*” [42, tr. 103]. Ở Việt Nam, vấn đề quốc tịch được quy định trong Luật Quốc tịch năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), tuy nhiên Luật Quốc tịch lại không đưa ra định nghĩa như thế nào là người nước ngoài, nhưng tại Điều 3 khi giải thích từ ngữ: Quốc tịch nước ngoài thì luật quy định “*Quốc tịch nước ngoài là quốc tịch của một nước khác không phải là quốc tịch Việt Nam*”. “*Người không quốc tịch là người không có quốc tịch Việt Nam và cũng không có quốc tịch nước ngoài. Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam là công dân nước ngoài và người không quốc tịch thường trú hoặc tạm trú ở Việt*

*Nam*”. Theo nội dung quy định trên có thể thấy khái niệm người nước ngoài sẽ bao gồm người có quốc tịch nước ngoài nhưng không có quốc tịch Việt Nam và người không có quốc tịch nước ngoài và cũng đồng thời không có quốc tịch Việt Nam.

Về mặt pháp lý, hai chủ thể này là khác nhau, đối với người có quốc tịch nước ngoài họ có thể có một hoặc nhiều quốc tịch nước ngoài, tức là họ có thể là công dân của một hoặc nhiều nước, họ có quyền và nghĩa vụ theo quy định của một hoặc nhiều nước còn người không có quốc tịch thì không phải là công dân của nước nào nên rõ ràng hai loại chủ thể này có sự khác nhau về quyền và nghĩa vụ nhưng đều giống nhau là họ không có quốc tịch Việt Nam nên Việt Nam sẽ đối xử với họ về cơ bản là như nhau đều là người nước ngoài và khái niệm “*người nước ngoài*” này được thống nhất sử dụng khi nghiên cứu tư cách chủ thể khi tham gia vào quan hệ hôn nhân có nước ngoài tại Việt Nam.

**Yếu tố khách thể:** Là lợi ích mà các chủ thể đạt được khi tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài bao gồm các lợi ích về nhân thân như họ tên, quốc tịch...; các hành vi như sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương; các lợi ích về vật chất như tài sản, các khoản cấp dưỡng, tài sản thừa kế... Tuy nhiên, khi đề cập đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài thì phần lớn “khách thể” trong quan hệ này được xác định là tài sản và tài sản này ở nước ngoài. Ví dụ: Hai vợ chồng là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam nhưng cùng sở hữu một căn nhà tại Hoa kỳ thì căn nhà này chính là khách thể trong quan hệ hôn nhân này.

**Yếu tố sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ hôn nhân:** Sự kiện pháp lý trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài phải là sự kiện pháp lý xảy ra ở nước ngoài, theo pháp luật nước ngoài.

- Sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân: Là trường hợp việc kết hôn tiến hành ở nước ngoài, yếu tố này được áp dụng trong trường hợp các bên có cùng quốc tịch nhưng kết hôn trước cơ quan có thẩm quyền của nước mà các bên không mang quốc tịch.

Ví dụ: Hai công dân Việt Nam kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì pháp luật được áp dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan như điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn của các bên sẽ là pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài, thông thường pháp luật Việt Nam sẽ điều chỉnh điều kiện kết hôn của công dân Việt Nam dựa trên dấu hiệu quốc tịch của họ, còn pháp luật nước ngoài sẽ điều chỉnh nghi thức kết hôn của hôn nhân này.

- Sự kiện pháp lý làm thay đổi quan hệ hôn nhân: Đó là trường hợp ly thân được pháp luật một số nước công nhận dựa trên phán quyết của tòa án hay việc thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được công chứng, chứng thực hợp lệ, quan hệ hôn nhân trong trường hợp này chưa chấm dứt nhưng quan hệ vợ chồng thì đã bị thay đổi, các bên thực tế không còn coi nhau như vợ chồng nhưng chưa muốn ly hôn.

- Sự kiện pháp lý làm chấm dứt quan hệ hôn nhân: Thông thường hôn nhân chấm dứt bằng hai con đường một là khi vợ, chồng chết hoặc bị tuyên bố là đã chết và con đường thứ hai là ly hôn, sự kiện pháp lý làm chấm dứt quan hệ hôn nhân trong trường hợp này là sự kiện ly hôn hoặc quyết định tuyên bố một người đã chết ở nước ngoài.

### ***1.1.2. Quy định pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài***

*1.1.2.1. Các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết có liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

Trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài hầu hết các nước đều tham gia ký kết các Điều ước quốc tế song phương với từng nước hữu quan

để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc giải quyết quan hệ hôn nhân, nội dung của các Điều ước quốc tế về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thường không quy định cụ thể việc điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài mà chỉ quy định nguyên tắc chọn pháp luật áp dụng, nói một cách khác các quy phạm được quy định trong các Điều ước quốc tế về hôn nhân thường là các quy phạm xung đột. Đây là loại quy phạm đặc biệt của Tư pháp quốc tế, tức là quy phạm này không trực tiếp xác định quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia mà chỉ đưa ra hệ thống pháp luật nào sẽ được áp dụng để điều chỉnh.

Trong quan hệ quốc tế, ngay từ những năm 1980 Việt Nam đã ký kết nhiều Điều ước quốc tế trong đó quy định điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, đó là các HĐTTTP. Trong các HĐTTTP, Việt Nam đã thỏa thuận với các nước về nguyên tắc, cách thức hỗ trợ nhau trong hoạt động tư pháp như: Tổng đạt giấy tờ, điều tra thu thập các chứng cứ, tiến hành khám xét, thu giữ tang vật, chuyển giao vật chứng, giám định, lấy lời khai của các bên đương sự, công nhận và thi hành các bản án do tòa án của các nước tham gia ký kết tuyên... Đặc biệt là trong lĩnh vực dân sự, thương mại và hôn nhân gia đình, các HĐTTTP quy định nguyên tắc chọn pháp luật áp dụng để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể.

HĐTTTP đầu tiên mà Việt Nam ký kết với nước ngoài là HĐTTTP giữa Việt Nam với Cộng hòa dân chủ Đức (Cũ) được ký kết vào 15/12/1980, tuy Hiệp định này đã hết hiệu lực vào ngày 3/10/1990 nhưng nó vẫn được coi là Điều ước quốc tế tay đôi đầu tiên của Việt Nam quy định việc điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Sau khi ký HĐTTTP với Cộng hòa dân chủ Đức (Cũ), Việt Nam đã tiến hành ký nhiều HĐTTTP với các nước như:

Liên xô (cũ) ký ngày 10/12/1981, Hiệp định này được thay thế bằng các Hiệp định song phương giữa Việt Nam với từng nước thuộc Liên Xô cũ trước đây;

Tiếp Khắc (Cũ) ký ngày 12/10/1982, Hiệp định này đến nay được Cộng hòa Séc và Xlôvakia kế thừa;

Cuba ký ngày 30/11/1984;

Hungary ký ngày 18/1/1985;

Bungary ký ngày 3/10/1986;

Ba Lan ký ngày 22/3/1993;

Liên Bang Nga ngày 25/8/1998;

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày 6/7/1998;

Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày 19/10/1998;

Cộng hòa Pháp ngày 24/2/1999;

Ucraina ngày 06/4/2000;

Mông Cổ ngày 17/4/2000;

Belarus ngày 14/9/2000;

An-giê-ri ngày 14/4/2010;

Cộng hòa Ca-dắc-xtan ngày 31/10/2011;

Vương quốc Cam-pu-chia ngày 21/1/2013;

Cũng như HĐTTTP mà Việt Nam ký với Cộng hòa dân chủ Đức (cũ), các HĐTTTP mà Việt Nam ký kết với các nước sau này, vấn đề hôn nhân có yếu tố nước ngoài liên quan đến các nước ký kết đều được ghi nhận. Trong đó nguyên tắc giải quyết các vấn đề kết hôn, quan hệ vợ chồng, ly hôn, xác định hôn nhân, xác định thẩm quyền của tòa án trong lĩnh vực hôn nhân...được quy định tương đối cụ thể. Ví dụ như: Các nước thường thỏa thuận điều kiện kết hôn giữa công dân của hai nước ký kết được xác định theo pháp luật của nước ký kết mà người kết hôn là công dân. Một số nước thỏa thuận thêm

những trường hợp cấm kết hôn, việc kết hôn phải tuân theo pháp luật của bên ký kết nơi tiến hành kết hôn. Còn về hình thức kết hôn được xác định theo pháp luật của nước ký kết nơi tiến hành kết hôn.

Nội dung của các quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan hữu quan của Việt Nam và các nước ký kết thực hiện việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên chủ thể trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài liên quan.

*1.1.2.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

Vấn đề hôn nhân, trong đó có hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ghi nhận trong các văn bản pháp luật sau đây:

### **Hiến Pháp**

Hiến pháp là văn bản pháp lý có giá trị cao nhất, trong đó quy định các nguyên tắc cơ bản về mặt pháp lý đối với tất cả các vấn đề quan trọng nhất của đất nước như: Chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa xã hội, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó bao gồm quyền về hôn nhân. Quyền về hôn nhân được coi là quyền cơ bản của công dân và được ghi nhận trong các bản Hiến pháp từ Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 cho đến Hiến pháp năm 2013. Trong tất cả các bản Hiến pháp quyền về hôn nhân được coi là quyền con người và được pháp luật bảo hộ. Trên cơ sở được quy định trong Hiến pháp, các nguyên tắc trong hôn nhân được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật như: Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Hộ tịch và các văn bản pháp luật liên quan khác.

### **Bộ luật Dân sự**



Bộ luật Dân sự đầu tiên của Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 28/10/1995, các quyền liên quan đến hôn nhân được quy định trong Điều 35 về quyền kết hôn, Điều 36 về quyền bình đẳng giữa vợ và chồng, Điều 38 về quyền ly hôn... Đặc biệt là đối với quan hệ dân sự nói chung và quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại phần thứ bảy của Bộ luật Dân sự (Phần quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài) đến Bộ luật Dân sự năm 2005, quyền kết hôn được ghi nhận tại Điều 39, quyền bình đẳng giữa vợ và chồng được ghi nhận tại Điều 40, và Điều 42 ghi nhận về quyền ly hôn, quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài vẫn được ghi nhận tại phần thứ bảy của Bộ luật này, đến Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có sự thay đổi, các quyền về kết hôn, quyền ly hôn, quyền bình đẳng giữa vợ và chồng được quy định chung trong Điều 39 với tên gọi quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình còn quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại phần thứ năm của Bộ luật (pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài). Những nguyên tắc được quy định trong phần thứ năm này cùng với những nguyên tắc chung trong Bộ luật Dân sự đã tạo thành các nguyên tắc cơ bản trong việc điều chỉnh các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

### **Luật Hôn nhân và gia đình**

Luật Hôn nhân và gia đình là văn bản pháp luật điều chỉnh các quan hệ hôn nhân bao gồm cả quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, đến nay Việt Nam đã ban hành bốn Luật Hôn nhân và gia đình đó là Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành là Luật Hôn nhân và gia đình được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 19/6/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày

01/01/2015, luật này đã dành Chương VIII để quy định về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Bên cạnh Luật Hôn nhân và gia đình, các văn bản pháp luật khác do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành đã đóng một vai trò to lớn trong việc điều chỉnh quan hệ hôn nhân, trong đó có quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Có thể kể đến là Luật Quốc tịch năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014, các văn bản dưới luật gồm có Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/07/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (Nghị định số 68/2002/NĐ-CP); Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP (Nghị định số 69/2006/NĐ-CP); Thông tư số 07/2002/TT-BTP ngày 16/12/2002 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ; Quyết định số 15/2003/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 12/2/2003 về việc ban hành biểu mẫu, sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài (Quyết định số 15/2003/QĐ-BTP); Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 97/2006/TT-BTC); Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (Nghị định số 24/2013/NĐ-CP); Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP (Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013); Nghị định số 126/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Hôn nhân và gia đình (Thay thế Nghị định số 24/2013/NĐ-CP).

Hiện nay, Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Quốc tịch năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 15/2015/TT-BTP là những văn bản pháp luật hiện hành đang được áp dụng để điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Với quan điểm thực hiện phân cấp mạnh cho địa phương, theo quy định của Luật Hộ tịch thì UBND cấp huyện sẽ có thẩm quyền giải quyết toàn bộ các việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài (bao gồm cả đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn và ghi chú ly hôn...), UBND cấp tỉnh với sự tham mưu của Sở Tư pháp sẽ tăng cường công tác quản lý nhà nước ở địa phương. Đây được xem là một bước tiến dài trong công cuộc cải cách hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân khi có nhu cầu giải quyết các việc hộ tịch có liên quan.

## **1.2. Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài**

### **1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài**

Trên thực tế chưa có một khái niệm nào chuẩn xác liên quan đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, riêng khái niệm có liên quan là “*quản lý*” và “*quản lý nhà nước*” thì còn có nhiều cách hiểu khác nhau, dưới những góc độ khác nhau. Hiểu một cách đơn giản nhất theo Từ điển Tiếng Việt thì “*Quản lý có nghĩa là trông coi và giữ gìn theo những yêu cầu nhất định*”, dưới góc độ chính trị là hành chính, cai trị; dưới góc độ xã hội là điều hành, điều khiển, chỉ huy; ở góc độ chung nhất là sự điều khiển, chỉ đạo một hệ thống hay một quá trình căn cứ vào những quy luật, định luật hay nguyên tắc tương ứng cho hệ thống hay quá trình ấy vận động theo đúng ý muốn của người quản lý nhằm đạt được mục đích đã đặt ra từ trước [43, tr. 38]. Hay trong giáo trình “*Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước*” năm 2014 đưa ra khái niệm: “*Quản lý là sự tác động có định hướng và tổ chức của*

*chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý bằng các phương thức nhất định để đạt tới những mục tiêu nhất định" [20, tr.7].*

Tuy có nhiều cách định nghĩa khác nhau nhưng nội hàm các khái niệm đều ít nhiều đề cập đến các yếu tố cơ bản sau: Đó là phải có ít nhất một chủ thể quản lý là tác nhân tạo ra các tác động và phải có ít nhất là một đối tượng quản lý tiếp nhận sự tác động của chủ thể quản lý và sự tác động này không phải xảy ra một cách ngẫu nhiên mà phải có những cách thức nhất định để đạt được mục đích đặt ra.

Về khái niệm quản lý nhà nước, quản lý nhà nước cũng là một dạng quản lý, nó xuất hiện cùng với sự ra đời của nhà nước, nhà nước chính là chủ thể quản lý, nhà nước có thể tự mình thực hiện việc quản lý cũng có thể ủy quyền cho các cá nhân, tổ chức khác thực hiện quyền quản lý, đối tượng quản lý của nhà nước không phải là một lĩnh vực nào đó nhất định mà là tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, ngoại giao. Quản lý nhà nước là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, sử dụng pháp luật làm công cụ chủ yếu nhằm mục đích duy trì trật tự xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển.

Như đã đề cập, quản lý nhà nước là quản lý một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội như: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, ngoại giao... và trong số đó cũng bao gồm cả hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là cả một quá trình với nhiều hoạt động như: Ban hành, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; PBGDPL; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác hộ tịch; quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch; bảo đảm cơ sở vật chất và phương tiện làm việc; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về hộ tịch; kiểm tra,

thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; ban hành và quản lý thống nhất các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách có liên quan; triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý hộ tịch; thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài... của chủ thể quản lý là nhà nước, thông qua các tổ chức, cá nhân để tác động lên chủ thể tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài nhằm đảm bảo sự ổn định trật tự xã hội cũng như đảm bảo cho quan hệ này phát triển một cách lành mạnh.

### ***1.2.2. Chủ thể, nội dung, đối tượng, đặc điểm của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài***

#### **Chủ thể quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài**

**Chủ thể quản lý:** Là các cá nhân, tổ chức có một quyền lực nhất định buộc các đối tượng quản lý phải tuân thủ các quy định do mình đề ra để đạt được những mục tiêu đã định trước. Quản lý nhà nước là hoạt động của nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả sẽ chỉ đề cập đến chủ thể quản lý nhà nước trên lĩnh vực lập pháp và hành pháp.

Chủ thể quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở nước ta hiện nay gồm:

- Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý thông qua việc ban hành văn bản quản lý nhà nước; các Bộ, cơ quan ngang Bộ như Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên phạm vi lãnh thổ quốc gia.

- UBND các cấp: UBND cấp tỉnh là chủ thể trực tiếp tham mưu giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý hành chính cấp tỉnh, bên cạnh cơ quan chuyên môn giúp việc cho UBND cấp tỉnh là Sở Tư pháp chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình thực hiện. UBND cấp huyện, UBND cấp xã là chủ thể thực hiện chức năng quản lý địa giới hành chính theo phân cấp bên cạnh hệ thống cơ quan tham mưu giúp việc là Phòng Tư pháp và công chức tư pháp - hộ tịch.

**Nội dung quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài bao gồm:** Xây dựng và ban hành pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; bố trí công chức và tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; tổ chức thực hiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

*- Xây dựng và ban hành pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

Bất kỳ một xã hội nào cũng có trật tự riêng của nó, trật tự đó phải được giữ vững bằng pháp luật, không thể chỉ bằng tập tục hoặc chỉ bằng những quy tắc có tính chất xã hội và giữa người với người trong một xã hội có rất nhiều mối quan hệ nhưng không phải loại quan hệ xã hội nào cũng đòi hỏi phải được điều chỉnh bằng pháp luật; nhưng có một số quan hệ xã hội thì nhất thiết phải được điều chỉnh bằng pháp luật. Trong đó, có quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài bởi tính phức tạp và nhạy cảm vốn có của nó.

Để thực hiện các nhiệm vụ và chức năng quản lý nhà nước, các chủ thể quản lý sử dụng nhiều hình thức hoạt động khác nhau nhưng hình thức cơ bản và quan trọng nhất là xây dựng và ban hành pháp luật. Việc quản lý xã hội phải bằng pháp luật thì mục đích việc quản lý mới đạt được và có hiệu quả cao. Pháp luật có vai trò và vị trí quan trọng đặc biệt đối với các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nó chính là phương tiện ghi nhận các quyền và lợi

ích hợp pháp của công dân. Ngoài ra, pháp luật do nhà nước ban hành để quản lý xã hội nhưng nhà nước cũng sẽ bị hạn chế bởi chính pháp luật, chịu sự phục tùng và phải thi hành pháp luật do chính mình đặt ra, có như vậy mới đảm bảo được quyền của công dân, tránh sự lạm quyền, đảm bảo sự công bằng và sự phát triển bình thường của xã hội. Trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, ngoài việc xây dựng và ban hành văn bản pháp luật điều chỉnh nhà nước còn tham gia ký kết nhiều HĐTTTP với các nước mà mở đầu là HĐTTTP với Cộng hòa dân chủ Đức năm 1980, trong các hiệp định này vấn đề liên quan tới việc giải quyết quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài được ghi nhận.

*- Bố trí công chức và tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” những lời dặn dò của Bác luôn có giá trị thời sự đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt là hiện nay khi đất nước ta đang bước vào thời kỳ hội nhập toàn cầu hóa, hợp tác và giao lưu quốc tế, chúng ta càng phải nhận thức một cách đầy đủ, sâu sắc hơn ý nghĩa quan trọng, tính chất phức tạp của công tác cán bộ, cần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ "tâm", đủ "tầm", trước những yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn, việc bố trí cán bộ, công chức cần đảm bảo đúng người, đúng việc, phát huy đúng sở trường cũng như có những chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút nhân tài bởi chất lượng, hiệu quả của công việc thể hiện trước hết ở trình độ, năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức.

*- Tổ chức thực hiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

Quản lý xã hội bằng pháp luật không có nghĩa là nhà nước chỉ ban hành pháp luật mà bao gồm cả tổ chức thực hiện pháp luật trên quy mô toàn xã hội,

đưa pháp luật vào đời sống của từng người dân và của toàn xã hội. Hoạt động ban hành và xây dựng pháp luật là hết sức cần thiết và quan trọng. Tuy nhiên điều quan trọng hơn là nó phải được thực thi trong thực tế, sự quan trọng của pháp luật không phải ở chỗ chúng được ghi trên giấy, mà là ở chỗ được đem ra thi hành và mang lại hiệu quả.

Việc tổ chức thực hiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài bao gồm: Công bố văn bản quy phạm pháp luật quy định về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thông qua việc tổ chức công bố, đăng công báo, niêm yết văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, truyền thông về việc ban hành và nội dung của văn bản quy phạm pháp luật; ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các điều kiện bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật như tập huấn nghiệp vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất; theo dõi, đánh giá hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật...

*Thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

Thanh tra, kiểm tra là hoạt động không thể thiếu trong quản lý nhà nước, cả hai hoạt động này đều có cùng mục đích là nhằm phát huy những nhân tố tích cực; phòng ngừa, phát hiện, xử lý những vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao của các chủ thể quản lý nhà nước, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện tiếp theo để đạt kết quả như mong muốn. Tuy nhiên, thanh tra và kiểm tra vẫn là hai hoạt động riêng biệt, trong quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, kiểm tra là hoạt động được tiến hành thường xuyên với nhiều hình thức bởi rất nhiều chủ thể như cấp trên đối với cấp dưới, thủ trưởng cơ quan đối với cán bộ, công chức, trung ương đối với địa phương...nhằm xem xét tình hình thực tế thi hành pháp luật hay thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn



được quy định để từ đó đưa ra đánh giá, nhận xét trong khi đó thanh tra lại là sự xem xét, đánh giá và xử lý việc thực hiện pháp luật của các chủ thể quản lý nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, chủ thể tiến hành của hoạt động thanh tra chỉ có cơ quan thanh tra được quy định tại Luật Thanh tra năm 2010, hoạt động chủ yếu theo kế hoạch, thường được chọn lọc trước để đảm bảo tính trọng tâm, trọng điểm, hiệu lực hiệu quả của thanh tra cũng như đảm bảo mục đích của thanh tra, hoạt động thanh tra thường có quy định các biện pháp xử lý trong khi kiểm tra không có quy định chi tiết các biện pháp xử lý.

**Đối tượng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài:**

Chính là chủ thể tiếp nhận sự tác động của chủ thể quản lý, là những quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, là trật tự chung của xã hội, là sự phát triển ổn định, lành mạnh của quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

**Đặc điểm của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài:**

Là một nội dung trong quản lý hành chính nhà nước về hành chính tư pháp, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài có các đặc điểm sau:

- Là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước: Thể hiện trước hết ở việc các chủ thể có thẩm quyền thể hiện ý chí nhà nước thông qua những phương tiện nhất định, trong đó phương tiện quan trọng được sử dụng là văn bản quy phạm pháp luật quy định về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, bên cạnh đó, quyền lực nhà nước còn thể hiện trong việc các chủ thể có thẩm quyền có thể tiến hành những hoạt động cần thiết để đảm bảo thực hiện ý chí nhà nước như các biện pháp về tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, hòa giải...

- Là hoạt động được tiến hành bởi những chủ thể có quyền năng hành pháp, chủ thể chủ yếu thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là các cơ quan quản lý hành chính nhà nước như Bộ Tư pháp, Bộ Công An, Bộ Ngoại giao, UBND các cấp và các công chức chuyên môn.

- Là hoạt động có tính thống nhất cao, được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, từ các cơ quan trong nước đến các cơ quan đại diện tại nước ngoài nhằm đảm bảo sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan, tránh cục bộ trong công tác quản lý.

- Là hoạt động có tính liên tục với khách thể là trật tự quản lý nhà nước trên lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

### **1.3. Vai trò của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài**

Hiện nay, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế, thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Đảm bảo quyền con người: Trong xã hội ngày nay, quyền con người đã được hầu hết các quốc gia trên thế giới nhận thức thành giá trị chung của nhân loại; quyền con người được đề cập ở nhiều khía cạnh từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, xã hội. Trong đó có các quyền về hôn nhân như quyền kết hôn, quyền ly hôn... ở Việt Nam, các quyền về hôn nhân được ghi nhận tại Điều 36 của Hiến pháp năm 2013: *“Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau”* và tại Điều 2 của Luật Hôn nhân Và Gia đình năm 2014 cũng ghi nhận nguyên tắc *“Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ”*. Hôn nhân là vấn đề trọng đại đối với mỗi người, xét về bản chất hôn nhân có yếu tố nước ngoài cũng không khác gì hôn nhân truyền thống, cũng là một sự liên kết giữa nam và nữ xuất phát từ sự tự nguyện và được công nhận bởi pháp luật nhưng đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài do có liên quan đến chủ thể là người nước ngoài, liên quan đến pháp luật của nước

ngoài, liên quan đến chính sách đối ngoại và sự giao lưu hợp tác giữa các nước với nhau nên dễ phát sinh nhiều vấn đề phức tạp mà nếu thiếu đi sự quản lý chặt chẽ sẽ dễ dẫn đến vi phạm quyền con người. Do đó, công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã trở thành một công cụ đắc lực của nhà nước để đảm bảo một số quyền cơ bản của con người.

- Ổn định trật tự xã hội: Bên cạnh việc phục vụ một số quyền cơ bản của con người. Việc thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài một mặt sẽ giúp ổn định trật tự xã hội do hôn nhân có yếu tố nước ngoài luôn là vấn đề nóng ở các địa phương. Đã có nhiều trường hợp phụ nữ Việt Nam và nam giới nước ngoài không đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai nước; trường hợp phụ nữ Việt Nam chung sống như vợ chồng với chuyên gia, công nhân nước ngoài nhưng không đăng ký kết hôn tại một số địa phương có dự án đầu tư của nước ngoài; ở một số nơi khác lại xuất hiện một số nam giới gốc Phi không có giấy tờ, lý lịch rõ ràng, kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với phụ nữ Việt Nam gây mất ổn định trật tự xã hội...

- Hỗ trợ xây dựng, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước: Từ công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, thông qua các số liệu báo cáo thống kê như số lượng kết hôn, địa phương có số lượng kết hôn nhiều, độ tuổi kết hôn, quốc gia kết hôn, các trường hợp ghi chú kết hôn, ly hôn... các nhà quản lý sẽ có cơ sở để xây dựng, hoạch định được các chính sách có liên quan.

#### **1.4. Các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài**

**Nhận thức:** Hoàn toàn có cơ sở khi nói rằng nhận thức của chính những chủ thể tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Trước đây các cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài đa phần xuất phát từ những cô gái xuất thân từ những khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội thấp, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn thấp... với mơ ước kết hôn với người nước ngoài để tìm kiếm sự đổi đời bên trời tây cũng như sẽ có một khoản tiền để trang trải cuộc sống giúp gia đình hoặc thậm chí có trường hợp kết hôn với người nước ngoài chỉ vì không muốn sống cùng gia đình nữa hoặc ước mơ muốn đi máy bay một lần trong đời... và phần lớn những trường hợp này hoàn toàn không được trang bị bất kỳ kiến thức nào về văn hóa, phong tục, tập quán, lối sống và cả pháp luật nước ngoài hoặc có nhưng không đầy đủ, không chính xác (qua môi giới) nên rất dễ dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, bị hắt hủi, đánh đập, thậm chí bị bán vào các nhà chứa... Ngày nay với tốc độ sử dụng mạng internet thông dụng, trình độ dân trí, sự nhận thức của người dân ngày càng cao, việc kết bạn, hẹn hò trên các trang web hẹn hò hay các mạng xã hội đang trở nên ngày càng phổ biến, quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài cũng không chỉ đơn giản xuất phát từ sự thiếu hụt về kinh tế, sự hạn chế về nhận thức mà còn xuất phát từ mục đích vụ lợi. Có không ít trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài với mục đích được nhập quốc tịch nước ngoài, được định cư ở nước ngoài, sao đó ly hôn để kết hôn trở lại với công dân Việt Nam để bảo lãnh sang nước ngoài. Tất cả, những vấn đề trên xuất phát từ nhận thức lệch lạc về hôn nhân, không trên cơ sở tự nguyện, không nhằm mục đích xây dựng một gia đình đúng nghĩa của các chủ thể khi tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

**Xung đột pháp luật:** Quan hệ hôn nhân chỉ được coi là quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài khi xuất hiện yếu tố nước ngoài đối với chủ thể, đối tượng hay sự kiện pháp lý, trong đó yếu tố nước ngoài này là cơ sở pháp lý để nhiều hệ thống pháp luật có thể được áp dụng. Khác với việc giải quyết quan hệ hôn nhân thông thường việc giải quyết quan hệ hôn nhân có yếu tố

nước ngoài liên quan đến việc chọn pháp luật áp dụng như liên quan đến việc kết hôn hay công nhận kết hôn để xác định tính hợp pháp của một cuộc hôn nhân thì một trong những vấn đề pháp lý quan trọng là điều kiện kết hôn phải hợp pháp, trong trường hợp các chủ thể khác quốc tịch thì thông thường pháp luật các nước đều quy định đương sự mang quốc tịch nước nào thì pháp luật nước đó sẽ được áp dụng để điều chỉnh điều kiện kết hôn của đương sự đó. Mặt khác, ở Việt Nam ngoài việc tuân theo pháp luật nước mình về điều kiện kết hôn, người nước ngoài còn phải tuân theo các quy định về điều kiện kết hôn của Việt Nam khi đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Tuy nhiên khi những quy định về điều kiện kết hôn khác nhau theo pháp luật mỗi nước thì lại dẫn đến việc ở nước mà đương sự mang quốc tịch thì đủ điều kiện còn ở nước nơi đăng ký kết hôn thì không đủ điều kiện... thường là xung đột về độ tuổi kết hôn.

Ví dụ: Tuổi kết hôn theo Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam là nam đủ 20 tuổi trở lên, nữ đủ 18 tuổi trở lên thì mới có quyền kết hôn trong khi đó ở Pháp độ tuổi này là 18 tuổi không phân biệt nam hay nữ. Như vậy, nếu một nữ công dân Việt Nam đủ 18 tuổi muốn kết hôn cùng một nam công dân Pháp 18 tuổi, họ có thể đăng ký kết hôn tại Pháp, nhưng cuộc hôn nhân của họ sẽ không được công nhận tại Việt Nam, còn nếu muốn đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì Nam công dân Pháp không đủ điều kiện về độ tuổi theo pháp luật Việt Nam. Và trong trường hợp họ đã đăng ký tại Pháp nhưng không được công nhận tại Việt Nam, thì theo nguyên tắc công dân Việt Nam vẫn là người độc thân theo pháp luật Việt Nam họ hoàn toàn có quyền kết hôn với một người khác nên có thể xảy ra tình trạng tồn tại song song hai cuộc hôn nhân...Mặc khác khi có tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân diễn ra tại Việt Nam thì mối quan hệ hôn nhân này có thể không được toà án Việt Nam công nhận.

**Tình hình kinh tế - xã hội:** Trên thực tế có rất nhiều trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài xuất phát từ tình yêu thực sự, họ gặp gỡ nhau thông qua việc đi du lịch, đi du học, đi hợp tác lao động, hoặc người nước ngoài đến Việt Nam học tập, đầu tư, kinh doanh... phần lớn những trường hợp này có thời gian tìm hiểu nhau, có sự phù hợp nhất định về ngôn ngữ, văn hóa, lối sống và tuổi tác. Họ kết hôn vì tình yêu chân chính, tạo ra nhiều điểm tích cực, tạo ra sự đan xen, sự tiếp cận đa dạng văn hoá, tạo điều kiện để giao lưu học hỏi tuy nhiên còn rất nhiều trường hợp việc kết hôn không xuất phát từ tình yêu thực sự, mà xuất phát từ nhiều lý do khác nhau như vì lý do kinh tế hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghèo túng, trình độ học vấn thấp, xuất thân từ những khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội thấp, điều kiện địa lý không thuận lợi, công dân Việt Nam muốn thông qua việc kết hôn có yếu tố nước ngoài để được bảo lãnh sang nước ngoài, để được lao động tại nước ngoài để có tiền gửi về giúp gia đình “đổi đời”, có nhà cửa khang trang, có kinh tế khá hơn do sự chênh lệch tỷ giá của đồng tiền.

**Sự phát triển của hoạt động môi giới hôn nhân bất hợp pháp:** Môi giới hôn nhân có thể hiểu nôm na là một loại hình dịch vụ, trong đó người cung cấp dịch vụ đóng vai trò trung gian giới thiệu cho những người có nhu cầu tìm kiếm đối tượng kết hôn gặp gỡ, tìm hiểu nhau, tiến tới hôn nhân, khách hàng phải trả phí khi tham gia dịch vụ này. Môi giới hôn nhân là hoạt động lành mạnh, hỗ trợ thực hiện quyền kết hôn nếu nó đáp ứng được yêu cầu tính trung thực của các thông tin, hình ảnh... do bên cung ứng dịch vụ cung cấp. Tuy nhiên, trên thực tế vì lý do lợi nhuận, với mục đích kiếm được tiền, những đối tượng MGKH sẵn sàng áp đặt, cung cấp thông tin sai lệch, lừa dối đôi bên dẫn đến hậu quả khôn lường, làm nhiều gia đình tan vỡ, trong đó chịu thiệt thòi hơn cả là người phụ nữ. Ở nước ngoài, các công ty môi giới bất hợp pháp ẩn nấp dưới dạng của những văn phòng tư vấn pháp luật cho người di trú

kết hôn hay tư vấn du lịch thay vì những văn phòng, công ty môi giới được cấp giấy phép hợp pháp, ở Việt Nam, hiện chưa có công ty nào được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực môi giới hôn nhân, bởi ngành nghề này nước ta không cho phép hoạt động kinh doanh. Hiện nay, chỉ có duy nhất trung tâm tư vấn hỗ trợ hôn nhân và gia đình của Hội Liên hiệp phụ nữ ở các tỉnh, thành thuộc Trung ương hội Phụ nữ Việt Nam được hoạt động hỗ trợ tư vấn hôn nhân. Nhưng hoạt động môi giới hôn nhân hiện đang ẩn dưới các hình thức như giới thiệu từ người thân, người quen và vì thế việc kiểm soát hoạt động này không dễ dàng, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

### **Kết luận Chương 1**

Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là một yêu cầu tất yếu trong quá trình hội nhập và phát triển. Xoay quanh các vấn đề lý luận như: Hiểu như thế nào về hôn nhân và quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; chỉ ra đối tượng, nội dung và chủ thể của nó; nêu lên vai trò của công tác quản lý nhà nước; các yếu tố tác động đến công tác quản lý nhà nước. Đồng thời, làm rõ những quy định của pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Tất cả các nội dung này đều được ghi nhận tại Chương 1 của luận văn.

Việc nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp lý của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong Chương 1 của luận văn có vai trò quan trọng, làm nền tảng phân tích, đánh giá thực trạng cũng như đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tại tỉnh Long An, góp phần đưa công tác này ngày càng đi vào nề nếp, tăng cường quản lý, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới trong giai đoạn hiện nay.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH LONG AN**

#### **2.1. Các yếu tố đặc thù của tỉnh Long An có ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài**

##### **2.1.1. Đặc điểm địa lý - dân cư**

Long An là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Cửu Long, phía Bắc giáp tỉnh Tây Ninh và tỉnh Svay Rieng của Vương quốc Campuchia, phía Nam giáp tỉnh Tiền Giang, phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Đông giáp TP. Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế hàng đầu của Việt Nam. Long An có đường ranh giới quốc gia với Campuchia dài 132,977 km, có chung đường ranh giới với TP. Hồ Chí Minh bằng hệ thống giao thông đường bộ qua Quốc lộ 1 A, Quốc lộ 50. Ngoài ra, với cửa sông Soài Rạp hướng ra biển Đông, Long An có khả năng phát triển công nghiệp, dịch vụ vận tải, xuất nhập khẩu. Đây là những điều kiện rất thuận lợi trong việc thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 449.194,49 ha, dân số 1.542.606 mật độ dân số đạt 329 người/km<sup>2</sup> (theo số liệu dân số tính đến năm 2014) với 15 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các huyện: Đức Huệ, Đức Hòa, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc, Thủ Thừa, Tân Trụ, Châu Thành, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, thị xã Kiến Tường và thành phố Tân An; có 192 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 166 xã, 12 phường và 14 thị trấn, trong đó có 6 huyện nằm trong khu vực Đồng Tháp Mười, toàn tỉnh có 28 dân tộc cùng sinh sống. Trong đó dân tộc Kinh là chủ yếu còn lại là các dân tộc Hoa, Khơ Me, Mường, Thái, Tày, Nùng, Sán Chay, Chăm, Cờ Lao, Chu Ru và Raglay...



### **2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội**

Long An là một tỉnh có rất nhiều tiềm năng về phát triển kinh tế, vốn nổi tiếng với nhiều sản phẩm nông nghiệp như gạo Nàng thơm Chợ Đào, rượu đế Gò Đen, dưa hấu Long Trì, đậu phộng Đức Hoà, Mía Thủ Thừa và các loại rau ứng dụng công nghệ cao...nhưng công nghiệp, thương mại, dịch vụ ở Long An cũng rất đáng quan tâm, về công nghiệp, toàn tỉnh hiện có 28 khu công nghiệp với khoảng 30 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư sản xuất, trong đó có 6 quốc gia và vùng lãnh thổ đứng đầu danh sách về tổng vốn đầu tư như Anh, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc và Hoa Kỳ được biết đến với các sản phẩm như dệt may, hàng gia công, thực phẩm chế biến...

Về mặt xã hội, với nhiều lợi thế về vị trí địa lý, thuận lợi về giao thông đã thu hút được nhiều nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước cũng ngày càng được nâng cao, đa số được đào tạo bài bản, có nhiều cơ hội nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Tuy nhiên việc phát triển đô thị còn nhiều hạn chế, theo kết quả thống kê năm 2014, dân số tỉnh Long An là 1.542.606 người, trong đó dân số đô thị là 378.820 người; Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh là 21,0%, thấp hơn so với trung bình cả nước là 34,5%. Tổng diện tích đất toàn tỉnh Long An là 4.492,4 km<sup>2</sup>, trong đó đất đô thị là 521,52 km<sup>2</sup> (nội thị là 292,85 km<sup>2</sup>) diện tích đất đô thị chiếm 8,6% tổng diện tích đất tự nhiên của toàn tỉnh còn thấp so với một số tỉnh có điều kiện phát triển tương đồng. Vẫn còn sự cách biệt trình độ phát triển kinh tế, điều kiện sống và trình độ dân trí giữa các địa phương, đặc biệt là các huyện thuộc khu vực đồng tháp Mười, các huyện biên giới, kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào nông nghiệp, hàng năm chịu ảnh hưởng của lũ lụt, đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng còn rất thiếu và không đồng bộ, người dân cần có trình độ văn hóa và chuyên môn thấp, nhận thức về pháp

luật còn hạn chế, việc tiếp cận thông tin chưa thường xuyên, đầy đủ và chưa kịp thời.

Với những điều kiện về địa lý, dân cư, kinh tế xã hội nêu trên, hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An khá phổ biến. Theo số liệu thống kê của Sở Tư pháp trong 5 năm (từ năm 2013 đến 2017), toàn tỉnh có 1003 trường hợp đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, trung bình mỗi năm giải quyết trên 200 trường hợp, số lượng tăng lên theo từng năm, năm 2013 là 187 trường hợp, năm 2014 là 191 trường hợp, năm 2015 là 200 trường hợp, năm 2016 là 204 trường hợp. Riêng năm 2017 là 221 trường hợp, xếp thứ 25 trong số 64 tỉnh, thành cả nước về số vụ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, gấp hai lần các tỉnh như: Bắc Ninh, Bình Phước, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Quảng Nam, gấp ba lần các tỉnh như: Gia Lai, Vĩnh Phúc và gấp bảy lần các tỉnh như: Đắk Nông, Hòa Bình, Kon Tum, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái [4].

## **2.2. Tình hình quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An.**

### ***2.2.1. Công tác ban hành các văn bản và chỉ đạo triển khai thực hiện.***

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được tôn trọng, bảo vệ phù hợp với pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nhà nước ta đã từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý về lĩnh vực này với hàng loạt các văn bản sau: Giai đoạn trước năm 2014 có thể kể đến là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị định số 68/2002/NĐ-CP; Quyết định số 15/2003/QĐ-BTP; Nghị định số 69/2006/NĐ-CP; Thông tư số 97/2006/TT-BTC; Nghị định số 24/2013/NĐ-CP; Thông tư số 22/2013/TT-BTP.

Giai đoạn từ năm 2014 đến nay có thể kể đến là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 126/2014/NĐ-CP và Thông tư số 2a/2015/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài; Bộ luật Dân Sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Trên cơ sở các văn bản của trung ương, hàng năm ngành Tư pháp đã kịp thời ban hành, trình UBND cùng cấp phê duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác tư pháp của địa phương, trong đó có chú trọng đến những quy định của pháp luật hộ tịch về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Định kỳ mỗi năm hai đợt, Hội đồng PBGDPL của tỉnh mà thường trực là Sở Tư pháp đều triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành đến báo cáo viên cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc thông qua hội nghị trực tiếp, từ năm 2015 đến nay tổ chức thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, UBND cấp huyện tổ chức hội nghị triển khai cho UBND cấp xã và các báo cáo viên, tuyên truyền viên trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến mọi tầng lớp nhân dân.

Riêng Luật Hộ tịch với việc chuyển giao thẩm quyền giải quyết các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài cho cấp huyện bên cạnh việc tạo điều kiện cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch trực tiếp giải quyết các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài tập huấn nghiệp vụ cùng với Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực thuộc Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực), Sở Tư pháp tỉnh cũng đã tổ chức một đợt tập huấn nghiệp vụ chi tiết cho lãnh đạo và công chức trực tiếp tham mưu giải quyết hồ sơ để tiếp cận tất cả các hồ sơ có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là hồ sơ đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn, ghi chú ly hôn của tất cả các nước do Sở Tư pháp thực hiện. Qua đó để nhận dạng từng loại

mẫu giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của các nước; các mẫu dấu, mẫu hợp pháp hóa lãnh sự; cách xác định ngày, tháng, chữ ký trên các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp; Đối với công chức tư pháp cấp xã các vấn đề liên quan đến việc cấp xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài được tập huấn chung trong nội dung tập huấn nghiệp vụ hàng năm của Sở Tư pháp. Đối với những quy định còn chưa rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, trên cơ sở xin ý kiến của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp đều tham mưu ban hành văn bản chuyên môn hướng dẫn nghiệp vụ.

Chế độ giao ban giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được thực hiện nghiêm chỉnh thông qua việc tham dự của lãnh đạo Sở Tư pháp tại các cuộc họp giao ban công tác tư pháp của cấp huyện và xã hoặc theo hình thức hội nghị trực tuyến nhằm phản ánh những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến quan hệ hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

### ***2.2.2. Công tác bố trí công chức và tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.***

Xác định được tầm quan trọng của công tác cán bộ trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước nói chung, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An nói riêng, trong những năm qua, việc bố trí công chức và tổ chức bộ máy làm công tác đăng ký và quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, củng cố, kiện toàn tăng dần về số lượng và nâng cao về chất lượng, phân định rõ thẩm quyền, nhiệm vụ của từng cấp, mỗi công chức chuyên môn đã thể hiện được nhiệm vụ và vai trò tham mưu giúp UBND từ tỉnh đến cơ sở thực hiện khá tốt công tác đăng ký và quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Đội ngũ công chức tư pháp làm công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, có năng lực, phẩm chất đạo đức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Tại Sở Tư pháp: Phòng Hành chính tư pháp là phòng chuyên môn nghiệp vụ giúp lãnh đạo sở tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác hộ tịch; hướng dẫn, kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã. Sở Tư pháp đã bố trí 6 công chức thực hiện những nhiệm vụ nêu trên, cả 6 công chức đều là đảng viên trong độ tuổi dưới 40, đảm bảo điều kiện về ngoại ngữ, tin học, 1 đồng chí có trình độ cao cấp chính trị, 2 đồng chí có trình độ trung cấp chính trị, 2 người công tác trên 10 năm, 4 người còn lại công tác trên 5 năm, 100% công chức có trình độ đại học trở lên, trong đó có 4 người có trình độ đại học Luật, riêng đối với công tác quản lý hộ tịch có yếu tố nước ngoài, Phòng Hành chính tư pháp đã bố trí 1 lãnh đạo và 1 công chức phụ trách quản lý.

Các Phòng Tư pháp cấp huyện: Trên địa bàn tỉnh có 15 Phòng Tư pháp với 69 biên chế, trong đó 9 Phòng Tư pháp được bố trí 5 biên chế, và 6 Phòng Tư pháp được bố trí 4 biên chế với 3 công chức có trình độ thạc sĩ, 66 công chức có trình độ đại học, 4 công chức đạt trình độ chuyên viên chính, đảng viên là 56 đồng chí, tất cả các công chức đều đảm bảo về trình độ chính trị, tin học, ngoại ngữ, trong đó có 12 người đã qua cao cấp chính trị, 32 người có trình độ trung cấp chính trị, còn lại đều qua sơ cấp chính trị. Mỗi Phòng Tư pháp có 1 Trưởng phòng, 1 Phó Trưởng phòng và các chuyên viên, có 1 lãnh đạo phòng trực tiếp phụ trách công tác đăng ký và quản lý hộ tịch (bao gồm cả hộ tịch có yếu tố nước ngoài), có 1 đến 2 công chức tư pháp thực hiện đăng ký và quản lý hộ tịch bao gồm cả việc quản lý, khai thác kho sổ sách, biểu mẫu, sử dụng phần mềm quản lý hộ tịch, hỗ trợ nghiệp vụ cho công chức tư pháp cấp xã và đăng ký các việc hộ tịch trong nước theo thẩm quyền và các

việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài như khai sinh, khai tử, thay đổi, cải chính, đăng ký kết hôn, công nhận kết hôn, ghi chú ly hôn có yếu tố nước ngoài...

Đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã: Với tổng số 192 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có 359 công chức phụ trách công tác tư pháp, trong đó, có 242 công chức có trình độ đại học Luật (chiếm 67,40 %), 84 có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp Luật (chiếm 23,4 %), chuyên môn khác 33 trường hợp (chiếm 9,2%), 43 công chức làm công tác tư pháp hộ tịch trên 10 năm, 143 công chức làm công tác tư pháp hộ tịch trên 5 năm và 182 công chức làm công tác tư pháp hộ tịch dưới 5 năm, 317 công chức trong độ tuổi dưới 40, 52 công chức trong độ tuổi trên 40 [46]. Trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã giữ vai trò quan trọng trong việc xác nhận tình trạng hôn nhân của các bên, hỗ trợ xác minh mục đích kết hôn và điều kiện kết hôn...

### ***2.2.3. Công tác tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.***

Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về hôn nhân có yếu tố nước ngoài sau khi được ban hành đều được công bố, đăng Công báo; đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh. Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính có liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong bộ thủ tục hành chính chung của tỉnh sau khi được UBND tỉnh ban hành đều được cập nhật, niêm yết công khai tại trụ sở tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính của UBND cấp huyện, cấp xã và trên trang tin điện tử của cấp huyện. Các hoạt động này là hết sức cần thiết, đảm bảo mọi công dân biết được quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia vào các quan hệ pháp luật.

Trước khi Luật Hộ tịch ra đời thì hôn nhân có yếu tố nước ngoài do UBND tỉnh mà cơ quan chuyên môn là Sở Tư pháp đăng ký và quản lý, cụ thể

việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, ghi chú việc kết hôn, ghi chú việc ly hôn đã tiến hành ở cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài do Sở Tư pháp thực hiện, việc xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại nước ngoài do UBND cấp xã nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện sau khi đã gửi văn bản xin ý kiến từ Sở Tư pháp. Đến ngày 1/1/2016 là ngày Luật Hộ tịch năm 2014 có hiệu lực thi hành việc đăng ký các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài hoàn toàn được chuyển giao cho cấp huyện thực hiện, do có thời gian hơn một năm chuẩn bị các điều kiện về nhân sự, cơ sở vật chất, và đào tạo nghiệp vụ nên UBND các huyện trên địa bàn tỉnh tránh được tình trạng lúng túng khi thực hiện. Riêng việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân nước láng giềng thường trú ở biên giới giáp với Việt Nam do UBND cấp xã nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện trên cơ sở văn bản xin ý kiến từ Sở Tư pháp.

Về cơ sở vật chất, hiện nay trừ Phòng Tư pháp thị xã Kiên Tường, 14 đơn vị cấp huyện trên địa bàn tỉnh đều có trụ sở chung với UBND cấp huyện, việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính của UBND cấp huyện hoặc tại Trung tâm Hành chính công của huyện, mỗi Phòng Tư pháp được bố trí một nơi làm việc trong trụ sở UBND huyện được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ công tác của ngành với hệ thống máy vi tính được kết nối mạng internet, máy in, máy Scan tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác chuyên môn. Công chức tư pháp - hộ tịch các xã, thị trấn đều được bố trí máy tính có kết nối mạng internet và máy in phục vụ công tác chuyên môn, riêng máy Scan công chức tư pháp - hộ tịch vẫn phải sử dụng chung với bộ phận văn phòng của ủy ban. Về kho lưu trữ, lưu trữ tại Phòng Tư pháp các huyện về cơ bản là đảm bảo, còn tại UBND các xã vẫn chưa đảm bảo về mặt lưu trữ do trụ sở một số đơn vị chưa được xây

mới hoặc đã xuống cấp, phải lưu trữ xung quanh nơi làm việc, chưa bố trí được nơi lưu trữ thống nhất.

Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch đã được triển khai từ năm 2012 trên toàn tỉnh với hệ thống máy tính kết nối mạng internet được trang bị riêng cho công tác hộ tịch, đảm bảo các thông tin dữ liệu được thống nhất và đồng bộ về tỉnh, phục vụ đất lực cho công tác báo cáo và quản lý, hạn chế thấp nhất những sai sót, đối với những hồ sơ kết hôn có yếu tố nước ngoài việc thực hiện trên phần mềm sẽ có lợi thế khi lưu sẽ phát hiện những trường hợp đã thực hiện xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc đăng ký kết hôn có trùng thông tin là cơ sở để phát hiện những trường hợp gian dối trong đăng ký kết hôn, bên cạnh đó dữ liệu được đồng bộ tự động về Sở Tư pháp để dễ dàng thực hiện công tác kiểm tra, hạn chế thấp nhất những sai sót, trên địa bàn tỉnh cũng đang trong giai đoạn hoàn tất việc nhập tất cả các dữ liệu hộ tịch trước đây vào phần mềm quản lý hộ tịch để đảm bảo khai thác, quản lý sử dụng dữ liệu theo đề án cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp.

Về thời gian thực hiện các việc đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn và ghi chú ly hôn, trên tinh thần cải cách hành chính, UBND tỉnh hàng năm đều ban hành kế hoạch rà soát, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, hiện nay theo đề xuất của UBND tỉnh trong lĩnh vực hộ tịch đối với thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thời gian thực hiện theo quy định là 15 ngày làm việc đề nghị rút ngắn còn 5 ngày làm việc, thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, quy định 12 ngày làm việc giảm còn 2 ngày làm việc, tuy nhiên theo ý kiến của nhiều đơn vị UBND cấp huyện, việc cắt giảm thời gian đăng ký kết hôn như trên có thể tạo rất nhiều thuận tiện cho người dân nhưng chưa phù hợp về mặt thực tế.



Về sổ sách, biểu mẫu sử dụng trong thủ tục đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn và ghi chú ly hôn được sử dụng thống nhất theo quy định của Bộ Tư pháp. Đối với những sổ được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp do cơ quan đăng ký hộ tịch tự in, sử dụng thì trên địa bàn tỉnh cũng thống nhất đặt in tại nhà in của Bộ Tư pháp để thống nhất sử dụng trên toàn tỉnh.

Về công tác báo cáo, ngành tư pháp tỉnh đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên, tạo điều kiện thuận lợi để các thông tin, dữ liệu được thu thập, sử dụng để phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách và phục vụ các nhu cầu khác của xã hội theo quy định của pháp luật.

Về công tác PBGDPL: Pháp luật của nhà nước về cơ bản là sự phản ánh ý chí, nguyện vọng, mong muốn của đông đảo quần chúng nhân dân trong xã hội, nó là công cụ, phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật tuy rằng bản chất là tốt đẹp nhưng không phải khi nào cũng được mọi người trong xã hội biết đến, tìm hiểu, đồng tình ủng hộ và thực hiện nghiêm chỉnh. Do vậy, rất cần đến công tác tuyên truyền PBGDPL như là một cầu nối để chuyển tải pháp luật vào cuộc sống để nâng cao sự hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của mọi tầng lớp nhân dân. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tuyên truyền PBGDPL, trong những năm qua trên địa bàn tỉnh Long An, công tác này được quan tâm đúng mức, hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật đã được phổ biến bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng và địa bàn như thông qua hình thức triển khai văn bản pháp luật, sinh hoạt ngày pháp luật, sinh hoạt các câu lạc bộ pháp luật, hoạt động trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý và mô hình Trung tâm Pháp luật cộng đồng, Tủ sách pháp luật, việc phát hành tờ bướm, tờ rơi...

Bên cạnh đó, hàng năm Sở Tư pháp (là thường trực hội đồng PBGDPL của tỉnh) đã cùng với các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn về hộ tịch tập trung cho công chức Phòng Tư pháp và công chức tư pháp - hộ tịch của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, cấp chứng chỉ kết thúc khóa học cho học viên hơn 900 lượt.

Hàng năm có đẩy mạnh và duy trì thường xuyên công tác tuyên truyền PBGDPL về hôn nhân và gia đình trên các địa bàn dân cư, nhất là cho các bậc cha mẹ, thanh niên trong độ tuổi kết hôn, phụ nữ nhập cư, vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, học vấn thấp, ít hiểu biết. Nội dung tập trung vào những quy định về điều kiện kết hôn, các trường hợp cấm kết hôn, những rủi ro có thể gặp phải khi chấp nhận kết hôn với người nước ngoài (những bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, việc làm...). Cảnh báo về tình trạng MGKH bất hợp pháp, tình trạng phụ nữ bị lừa gạt thông qua con đường kết hôn nhằm giúp chị em hiểu biết đầy đủ, khách quan, chính xác về hôn nhân có yếu tố nước ngoài để có thể tự bảo vệ mình, tránh những hành vi lợi dụng hôn nhân nhằm mục đích trục lợi của cá nhân hay tổ chức môi giới... Trong hôn nhân có yếu tố nước ngoài nếu thực hiện tốt công tác tuyên truyền, PBGDPL thì sẽ làm chuyển biến phần nào ý thức của người dân trong việc kết hôn với người nước ngoài, một số phụ nữ trước đây có ý định lấy chồng nước ngoài để được giàu có, qua cung cấp thông tin, tư vấn về pháp luật, phong tục, tập quán, những vấn đề phát sinh từ cuộc hôn nhân, những cơ hội cũng như những rủi ro bất lợi từ cuộc sống nơi xứ người đã có một sự lựa chọn thích hợp cho mình, đa số từ bỏ ý định lấy chồng nước ngoài, lập gia đình và yên tâm lao động tại địa phương, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

#### ***2.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài***

Trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung, quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài nói riêng thì thanh tra, kiểm tra là một hoạt động không thể thiếu nhằm đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa, qua hoạt động kiểm tra để xem xét các quy định của pháp luật có được thực hiện đúng và thống nhất hay không, có đảm bảo đủ các điều kiện thực hiện, có phù hợp với thực tế, hay chỉ ra những yếu kém bất cập trong quản lý, nguyên nhân của chúng từ đó có những hướng dẫn và điều chỉnh kịp thời để đảm bảo hiệu quả công việc của từng đơn vị. Thông qua hoạt động thanh tra để phát hiện kịp thời các vi phạm pháp luật, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến những vi phạm pháp luật để có những biện pháp xử lý kịp thời, xây dựng những biện pháp phòng ngừa để đảm bảo kỷ cương, pháp chế.

Từ năm 2012 các hoạt động kiểm tra cấp xã do đoàn kiểm tra của UBND cấp huyện tiến hành đồng loạt ở tất cả các xã trên địa bàn huyện theo định kỳ 6 tháng và cuối năm, sau mỗi đợt kiểm tra báo cáo kết quả về UBND tỉnh thông qua Sở Tư pháp, để đảm bảo các hoạt động cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước kết hôn với người nước ở cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại nước ngoài đúng pháp luật cũng như trình tự, thủ tục thẩm quyền giải quyết đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở biên giới với công dân nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới giáp với Long An. Riêng năm 2016 và 2017 khi nhiệm vụ đăng ký các sự kiện hộ tịch có yếu tố nước ngoài được chuyển giao về cho cấp huyện giải quyết, Sở Tư pháp đã tiến hành kiểm tra toàn diện công tác hộ tịch ở tất cả các huyện và kiểm tra ngẫu nhiên từ hai đến ba đơn vị cấp xã của mỗi huyện, tiến hành thanh tra hai đơn vị cấp huyện vào năm 2016, đối với các đơn vị Sở Tư pháp không trực tiếp kiểm tra sẽ do UBND huyện thành lập

đoàn kiểm tra do Trưởng Phòng Tư pháp làm trưởng đoàn để kịp thời hướng dẫn, khắc phục những hạn chế sai sót cũng như xử lý những sai phạm trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn.

Bên cạnh những hoạt động kiểm tra, thanh tra theo các kế hoạch thường niên, khi có những phản ánh từ phía người dân hoặc thông qua hệ thống phần mềm Quản lý hộ tịch hoặc báo cáo định kỳ phát hiện những trường hợp thực hiện không đúng quy định pháp luật, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp đều có những hoạt động kiểm tra, xác minh phù hợp, giải quyết kịp thời để đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

### **2.3. Đánh giá về công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An.**

Công tác sơ, tổng kết đánh giá thực tiễn để xác định những mặt làm được, những hạn chế, yếu kém, từ đó tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình quản lý nhà nước. Vì vậy, hàng năm tỉnh Long An luôn thực hiện chủ trương tổng kết thực tiễn theo định kỳ mỗi năm một lần, trên thực tế từ năm 2013 đến năm 2017 đã có 05 lần tổ chức hội nghị tổng kết. Sau mỗi lần tổng kết đều đánh giá đúng thực trạng và những nguyên nhân đạt được cũng như những hạn chế, tồn tại đều làm rõ nguyên nhân, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý.

#### ***2.3.1. Những kết quả đạt được***

Công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp Đảng, sự chỉ đạo trực tiếp của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp bằng hệ thống các văn bản với nhiều biện pháp, giải pháp mang tính khả thi, đặc biệt là những văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ từ Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; sự

cập nhật văn bản của các quốc gia có liên quan đến giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài từ Bộ Ngoại giao; thông tin tình hình hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ Bộ Công an và các cơ quan hữu quan có liên quan.

Công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài, tuy việc chuyển giao việc đăng ký các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài mới được thực hiện từ ngày 01/01/2016 sau khi Luật Hộ tịch có hiệu lực nhưng việc tiếp nhận và giải quyết các việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài tại UBND các huyện trên địa bàn tỉnh luôn thực hiện đúng thẩm quyền, ngày càng đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Điều này đã tạo thuận lợi cho người dân khi có yêu cầu đăng ký giảm bớt thời gian đi lại nên thuận tiện hơn, chi phí ít hơn, thời gian giải quyết nhanh hơn... Và việc phân cấp thẩm quyền này cũng đã giảm bớt yêu cầu trực tiếp giải quyết hồ sơ tại Sở Tư pháp, để Sở Tư pháp có thời gian hơn cho nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra tại cơ sở.

Thực tế giải quyết kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài trong những năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp đã tăng cường thắt chặt kỷ cương trong công tác giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện thông qua cơ chế hành chính một cửa với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001: 2008 xây dựng theo mô hình khung của Bộ khoa học và Công nghệ ,có xem xét, đánh giá mức độ hài lòng của người dân. Quá trình giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài công khai, minh bạch rõ ràng về thành phần, số lượng hồ sơ, nội dung quy trình, biểu

mẫu, thời gian thực hiện và lệ phí đối với từng loại việc, thuận lợi cho người dân khi tra cứu, thực hiện; có sự phối kết hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng trong việc giải quyết hồ sơ. Từ khâu tiếp nhận, thẩm tra, xác minh đến khâu trình UBND ký được thực hiện chặt chẽ theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Những năm qua trên địa bàn tỉnh không có đơn khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Đội ngũ công chức tư pháp trên địa bàn tỉnh Long An mặc dù có sự chênh lệch về số lượng cũng như chất lượng ở các đơn vị nhưng nhìn chung cơ bản ổn định, đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, được đào tạo cơ bản cả về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và kiến thức khoa học, được nâng cao về trình độ nhận thức, trình độ quản lý và khả năng vận dụng lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Trước những khó khăn, thử thách của cuộc sống, phần đông cán bộ giữ được phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, luôn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, ý thức, tác phong, lễ lối làm việc. Những yếu tố trên là điều kiện thuận lợi giúp cho việc thực hiện công tác đăng ký và quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định, đạt hiệu quả...

Công tác tuyên truyền được chú trọng thực hiện một cách sinh động, phong phú, hấp dẫn thông qua việc lồng ghép dưới nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là những công dân trong độ tuổi kết hôn và đội ngũ công chức tư pháp trực tiếp giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn, công nhận kết hôn, ghi chú ly chú có yếu tố nước ngoài và xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam đăng ký với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài. Với việc công khai các thủ tục hình thức để chuyển tải các nội dung về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đến các tầng lớp

nhân dân kịp thời và sâu rộng đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn, ghi chú ly hôn để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

Trong giai đoạn trước khi chuyển giao về UBND cấp huyện, biện pháp phòng vãn được các cơ quan áp dụng nghiêm túc, khi tiến hành phỏng vấn, cơ quan tư pháp đã tham mưu và trình UBND tỉnh không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho nhiều trường hợp không đủ các điều kiện kết hôn. Việc làm này đã góp phần loại bỏ không ít trường hợp kết hôn giả tạo, kết hôn thông qua môi giới bất hợp pháp, lợi dụng kết hôn để trục lợi...

Bên cạnh hệ thống sổ đăng ký kết hôn, ghi chú ly hôn, sổ xác nhận tình trạng hôn nhân đang được lưu trữ, sử dụng thì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký, quản lý và lưu trữ dữ liệu về hộ tịch được triển khai năm 2012 đã mang lại hiệu quả đáng kể. Sổ đăng ký hộ tịch là tài sản của nhà nước, là tài liệu gốc và cũng là căn cứ pháp lý để phục vụ cho công tác tra cứu, sao lục, cấp giấy tờ chứng nhận về tình trạng nhân thân của cá nhân khi cần thiết, do đó được lưu trữ, bảo quản nhằm sử dụng lâu dài, nội dung trong sổ được viết rõ ràng, sạch sẽ, ít sai sót hơn; việc sửa chữa sai sót cũng đã thực hiện theo đúng hướng dẫn. Trong những năm gần đây, dữ liệu hộ tịch điện tử cũng đã bắt đầu được hình thành, bước đầu đảm bảo chính xác hơn số liệu thống kê, báo cáo và đáp ứng yêu cầu tra cứu cũng như cấp các giấy tờ hộ tịch của cá nhân.

### ***2.3.2. Những mặt hạn chế***

Tuy công tác quản lý nhà nước đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An đã đạt được những kết quả tích cực nhưng bên cạnh đó vẫn tồn tại những khiếm khuyết, hạn chế sau đây:

- Hạn chế trong cải cách thủ tục hành chính: Mặc dù cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch bước đầu đã phát huy hiệu quả. Tuy nhiên,

việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông với việc rà soát, cắt giảm mạnh thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết trong đăng ký hộ tịch tại cấp huyện, cấp xã đôi khi lại có tác động ngược lại, đặc biệt là tiến độ xử lý hồ sơ. Để giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch mà đặc biệt là các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài, đòi hỏi cán bộ thụ lý hồ sơ phải chuyên sâu về chuyên môn để kiểm tra, hướng dẫn hồ sơ nhưng thực tế trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia vào quy trình “một cửa”, cụ thể là cán bộ tiếp nhận hồ sơ còn nhiều hạn chế về trình độ chuyên môn, người được bố trí vào vị trí này thường là cán bộ văn phòng, ở cấp huyện thì tương đối ổn định nhưng ở cấp xã cán bộ một cửa thường xuyên bị luân chuyển công tác, nên trong trường hợp hồ sơ của công dân còn thiếu hoặc chưa đạt yêu cầu nhưng cán bộ tiếp nhận không phát hiện được để hướng dẫn hoặc hướng dẫn không đầy đủ nên người dân phải đi lại nhiều lần, kéo dài thời gian giải quyết, gây tâm lý khó chịu cho đương sự đặc biệt đối với các giấy tờ của công dân nước ngoài việc làm lại hoặc bổ sung, sửa chữa bất cứ nội dung nào cũng gây ra nhiều bất tiện về chi phí, thời gian đi lại... Trong khi đó mô hình Trung tâm hành chính công cấp huyện với việc bố trí công chức chuyên môn trực tiếp tiếp nhận hồ sơ của lĩnh vực phụ trách mang lại hiệu quả khả thi nhưng với chính sách tinh giảm biên chế như hiện nay việc bố trí một công chức chuyên môn thực hiện tiếp nhận là không thể nên hầu như các hồ sơ liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài chủ yếu do công chức chuyên môn hướng dẫn điều này sẽ dẫn đến sự thiếu khách quan, dễ phát sinh tiêu cực.

- Vẫn còn một số sai sót trong việc xác định thẩm quyền đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài; hồ sơ đăng ký vẫn còn thiếu giấy tờ theo quy định như giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam trước khi xuất cảnh hoặc ghi chú ly hôn...; đăng ký sai thẩm quyền như trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài không thuộc trường hợp ở khu vực biên giới nhưng vẫn đăng



ký tại UBND cấp xã, nguyên nhân do công dân Việt Nam mặc dù đã được nhập quốc tịch nước ngoài hoặc được cấp thẻ cư trú tại nước ngoài nhưng vẫn còn các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam như Giấy chứng minh nhân dân, Hộ khẩu và cố tình xuất trình những giấy tờ này để đăng ký kết hôn như công dân Việt Nam cư trú trong nước. Hay tình trạng sử dụng giấy tờ giả để làm thủ tục đăng ký kết hôn, các giấy tờ thường được làm giả chữ ký của viên chức ngoại giao nước ngoài hoặc các con dấu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài là dấu in màu mà công chức chuyên môn khó lòng phát hiện được chỉ đến khi được kiểm tra, thanh tra và gửi các mẫu văn bản trên đến Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực để chứng thực thì mới phát hiện, ví dụ như qua công tác kiểm tra định kỳ năm 2016, Sở Tư pháp phát hiện 2 hồ sơ đăng ký kết hôn làm giả chữ ký và con dấu của cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc và Hoa Kỳ.

- Trên địa bàn tỉnh Long An có số lượng hồ sơ tương đối nhiều nhưng phân bố không đồng đều ở tất cả các huyện, chủ yếu tập trung vào các huyện có các khu công nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài như Đức Hòa, TP. Tân An, Cần Giuộc (hơn 30 trường hợp mỗi năm), Cần Đước, còn các địa phương còn lại hồ sơ ít phát sinh và ngoài Hoa Kỳ và Đài Loan thì hồ sơ hầu như hiếm khi lập lại đối với một số nước (Thụy Điển, Thái Lan, Malaysia) dẫn đến việc công chức tiếp nhận khó có khả năng ghi nhớ thành phần hồ sơ một cách chính xác.

- Vẫn còn không ít trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài thông qua hoạt động môi giới bất hợp pháp (từ sự giới thiệu của người thân đã kết hôn với người nước ngoài), việc kết hôn lại không nhằm mục đích hôn nhân và không xuất phát từ tình yêu nam nữ trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ mà ở đây tập trung chủ yếu là để được ra nước ngoài, được nhập quốc tịch nước ngoài, được định cư, được lao động tại nước ngoài,

sau đó tiếp tục bảo lãnh người thân ra nước ngoài hay lợi dụng kết hôn với người nước ngoài để thực hiện hành vi phạm tội. Các quốc gia công dân Việt Nam thường chọn kết hôn là Đài Loan, Hàn quốc, Úc, Singapore nhưng nhiều nhất vẫn là Hoa Kỳ. Việc công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, điều này đã làm nảy sinh nhiều hệ quả ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân Việt Nam đặc biệt là người phụ nữ Việt Nam.

- Còn tình trạng đăng ký kết hôn nhưng sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai bên nam, nữ trước khi kết hôn hết sức hạn chế hay sự chênh lệch tuổi tác quá lớn giữa cô dâu và chú rể trong khi đó quy định của luật hiện hành không có một điều, khoản nào để từ chối kết hôn. Trước khi chuyển thẩm quyền giải quyết hôn nhân có yếu tố nước ngoài cho cấp huyện, tại Sở Tư pháp vẫn thực hiện thủ tục phỏng vấn để làm rõ sự tự nguyện trong hôn nhân, tuy nhiên thủ tục phỏng vấn trực tiếp tại Sở Tư pháp được đánh giá là mang nhiều tính chủ quan của cán bộ phỏng vấn. Nhưng khi không quy định thủ tục phỏng vấn khi đăng ký tại UBND cấp huyện thì lại không có cơ sở để từ chối đương sự khi qua quá trình giải quyết hồ sơ các đương sự chưa thật sự hiểu hết về nhau nhưng về mặt hồ sơ, thủ tục và các điều kiện luật định thì họ hoàn toàn đáp ứng thì khi đó không có cơ sở để từ chối đăng ký kết hôn, ví dụ khi tổ chức lễ đăng ký kết hôn bên nam và bên nữ hoàn toàn không thể giao tiếp một cách bình thường nếu không có sự trợ giúp của điện thoại thông minh với cài đặt chuyển đổi ngôn ngữ ngay cả những câu giao tiếp cơ bản nhất.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác hộ tịch nói chung, công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài nói riêng ở một số đơn vị chưa được quan tâm đúng mức và chưa đồng đều ở các địa phương, nhiều địa phương công chức tư pháp lúc đầu được trang bị máy vi tính riêng nhưng sau đó do máy của các bộ phận khác hư hỏng nên phải sử dụng chung,

việc kết nối mạng internet có lúc chưa kịp thời, máy móc cấp xã do không được bảo trì thường xuyên nên dễ hư hỏng, chưa bố trí đầy đủ kho lưu trữ hồ sơ hộ tịch, việc lưu chung hồ sơ hộ tịch với các hồ sơ, giấy tờ khác dễ làm thất lạc, hư hỏng hồ sơ, việc bố trí nơi tổ chức lễ đăng ký kết hôn chưa đảm bảo, việc tổ chức nghi thức kết hôn chưa được trang trọng, có đơn vị trụ sở làm việc chỉ được bố trí một phòng chung với UBND cấp huyện nên việc tổ chức lễ đăng ký kết hôn thường sơ xài, bỏ qua nhiều khâu, có đơn vị chỉ bố trí được một nơi treo bảng lễ đăng ký kết hôn để phục vụ cho việc chụp ảnh khi đương sự có yêu cầu mà thực tế không tổ chức lễ.

- Chất lượng của các loại sổ hộ tịch sử dụng cho đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn, ghi chú ly hôn không tốt, bìa dày cứng khó bảo quản, dễ bay màu.

- Về mặt nhận thức pháp luật của công chức cấp xã còn hạn chế, yếu kém nên vẫn xảy ra tình trạng sử dụng tờ khai cấp xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng mẫu, không hướng dẫn người dân khai đầy đủ về tình trạng hôn nhân, không gửi hồ sơ cho Sở Tư pháp thẩm tra, xác minh, cấp xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam, cấp xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhưng không căn cứ vào hộ chiếu nước ngoài hoặc thẻ thường trú nước ngoài của người dự định kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân theo giai đoạn trong khi đương sự cư trú tại địa phương hoặc chỉ xác nhận tình trạng hôn nhân của đương sự tại địa phương.

### ***2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế***

Một số nơi cấp ủy và chính quyền chưa nhận thức hết tầm quan trọng của công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài nên chưa có sự

quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra kịp thời, nhiều đơn vị khoán trắng cho công chức chuyên môn, lãnh đạo không nghiên cứu chuyên môn nên cũng không phát hiện và chấn chỉnh những sai sót.

Áp lực công việc đối với cơ quan tư pháp ngày càng tăng, một số đơn vị có khối lượng hồ sơ lớn; rất nhiều việc cụ thể mà ngành Tư pháp được giao thêm ngoài kế hoạch như tham gia ý kiến pháp lý đối với nhiều vụ việc khó, phức tạp, thậm chí có việc không thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành; yêu cầu về chất lượng, tiến độ công việc ngày càng cao công chức chuyên môn phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên cũng ảnh hưởng phần nào đến việc nghiên cứu, giải quyết hồ sơ.

Tình trạng chậm hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn từ cơ quan cấp trên, địa phương phải xin hướng dẫn nhiều lần mới nhận được kết quả; nội dung hướng dẫn, trả lời còn chung chung chưa giải quyết được những vướng mắc trong giải quyết hồ sơ.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài được chú trọng thực hiện nhưng hiệu quả mang lại còn thấp, chưa có sức lan tỏa lớn đến các tầng lớp nhân dân, gây ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn.

Đội ngũ công chức tư pháp có sự đảm bảo về số lượng và chất lượng nhưng nhìn chung vẫn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Đặc biệt là đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã thường xuyên thay đổi, không bảo đảm sự ổn định, chất lượng chuyên môn

Việc tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã phụ trách tư pháp và công chức làm công tác tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính các cấp có nơi còn chậm hoặc không tập huấn trang bị kiến

thức nghiệp vụ, kỹ năng cần thiết trong tiếp nhận, thụ lý hồ sơ nên dẫn đến thực hiện sai quy định.

Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, tác nghiệp của đội ngũ công chức chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và hiện đại hóa hoạt động hành chính, đặc biệt là hạ tầng thông tin và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

Sự phối hợp giữa các đơn vị có liên quan như Sở Tư pháp, cơ quan Công an và UBND các cấp vẫn chưa thật sự đồng bộ, sâu sát, công tác quản lý vẫn chưa chặt chẽ do không có cơ chế quy định trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ.

Về giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân: Các nước trên thế giới sử dụng các loại văn bản khác nhau để cấp cho công dân của họ khi thực hiện việc đăng ký kết hôn. Ví dụ: Pháp cấp Giấy chứng nhận khả năng kết hôn, Giấy chứng nhận độc thân; Đức cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn; Thụy Điển cấp Giấy xác nhận quyền kết hôn; Vương quốc Anh và Bắc Ailen cấp Bản khai về tình trạng hôn nhân; Liên Bang Úc cấp Công hàm không cản trở kết hôn; Hàn Quốc cấp Giấy chứng nhận; Malaysia cấp Bản cam kết không có trở ngại gì đối với việc kết hôn; Trung Quốc (Đài Loan) cấp Hộ khẩu có ghi tình trạng hôn nhân; Canada, Hoa Kỳ, Singapore cho công dân tuyên thệ...[15]. Cơ quan đăng ký cũng chỉ nắm được quy định của một số nước theo kinh nghiệm, nhưng không đầy đủ nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng gặp nhiều khó khăn.

Pháp luật Việt Nam chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn tình trạng kết hôn giả tạo nhằm mục đích khác, các quy định trong luật không được vận dụng tốt vào thực tế, và vẫn còn thiếu quy định cho một số trường hợp. Ví dụ: Trong quá trình làm thủ tục giải quyết hồ sơ đăng ký kết hôn, cán bộ tư pháp

nhận thấy rằng hai bên bất đồng ngôn ngữ, chưa hiểu gì về người kia cũng như cuộc sống của họ ở nước ngoài, có khi ngày đăng ký là lần đầu họ gặp nhau... Nhưng cán bộ tư pháp không có căn cứ pháp lý cũng như không có thẩm quyền để từ chối kết hôn khi về mặt quy định pháp luật thì họ không thuộc trường hợp từ chối kết hôn và khi Luật Hộ tịch có hiệu lực thi hành thì thủ tục phỏng vấn khi đăng ký kết hôn không còn được áp dụng và cũng không thể dựa vào kết quả phỏng vấn để từ chối kết hôn như trước đây.

Về điều kiện kết hôn: Trong Luật Hôn nhân và gia đình chưa có quy định riêng về các điều kiện kết hôn với người nước ngoài. Ví dụ: Trường hợp kết hôn mà chú rể và cô dâu chênh lệch quá nhiều tuổi (có khi chú rể bằng tuổi ông của cô dâu) cũng không được dự liệu. Kết hôn là quyền của công dân, được thực hiện trên nguyên tắc bình đẳng tuy nhiên nếu có sự chênh lệch quá nhiều về độ tuổi và đó không phải là một vài trường hợp ngoại lệ thì cũng rất cần có sự quy định chặt chẽ hơn.

Quy định của pháp luật chưa rõ ràng, chưa phù hợp với thực tiễn và còn nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến áp dụng không thống nhất. Ví dụ: Việc ghi chú ly hôn theo quy định tại Điều 37, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: “*Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài, sau đó về nước thường trú hoặc làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì phải ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy kết hôn đã được giải quyết ở nước ngoài (sau đây gọi là ghi chú ly hôn)*”. Tuy nhiên, trong trường hợp công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài thì nhiều địa phương lại lúng túng không biết có ghi chú hay không ghi chú và ngay cả quy định về thẩm quyền ghi chú cũng gây ra nhiều cách hiểu khác nhau, thẩm quyền ghi chú ly hôn theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP thuộc về UBND cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn hoặc ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn trước đây thực hiện. Nhưng trong trường hợp trước đây công dân

Việt Nam sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn sau đó ra nước ngoài và được tòa án ra quyết định hủy việc kết hôn thì thẩm quyền ghi chú là cơ quan nào lại không quy định rõ. Hay như quy định xác nhận tình trạng hôn nhân cho người đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau theo quy định tại Khoản 4, Điều 22 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: “*Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau, người đó có trách nhiệm chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình. Trường hợp người đó không chứng minh được thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã được yêu cầu tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu về tình trạng hôn nhân của người đó trong thời gian thường trú tại địa phương*”. Trong trường hợp này nếu công dân Việt Nam có thời gian thường trú tại nước ngoài thì việc tự chứng minh của họ là rất khó thực hiện, còn việc xác minh bằng văn bản thì mất khá nhiều thời gian và trong nhiều trường hợp cũng không nhận được phản hồi, Nghị định thiếu tính dự liệu trong trường hợp này.

Thiếu kênh thông tin về hôn nhân có yếu tố nước ngoài: Thực tế hiện nay cho thấy mạng internet ngày càng phát triển thì việc tiếp cận thông tin trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết, chỉ cần kích chuột là có thể tìm được nhanh chóng thông tin mình cần tuy nhiên trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài lại không có một kênh thông tin cập nhật tất cả những thành phần hồ sơ, điều kiện kết hôn hay các thông tin của nước ngoài, các cơ quan tư pháp địa phương khi giải quyết hồ sơ chủ yếu dựa trên danh mục các giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của các nước do Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

cung cấp hay những công văn rời rạc về thủ tục đăng ký kết hôn của các nước và danh mục này cũng không đầy đủ các quốc gia có phát sinh quan hệ hôn nhân và ngay cả những mẫu dấu, mẫu chữ ký của người có thẩm quyền của nước ngoài cũng trên cơ sở tham khảo những hồ sơ đã nhận và ngược lại đối với những mẫu dấu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cũng không làm sao biết được nên thường phải văn bản xác nhận mẫu dấu và chữ ký.

## **Kết luận Chương 2**

Căn cứ vào cơ sở lý luận, pháp lý đã được đề cập ở Chương 1 của luận văn, tác giả đã phân tích và làm rõ thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2013 đến năm 2017 ở Chương 2. Chương 2 là chương mà tác giả đã tập trung phân tích đánh giá về điều kiện địa lý - dân cư; kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh Long An ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; Đồng thời xác định những kết quả đạt được, những mặt hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế. Những hạn chế được nhận định trong Chương 2 chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện về công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài cho Chương 3, đảm bảo sự logic mang tính kế thừa và liên kết chặt chẽ trong toàn bộ cấu trúc của luận văn, luận văn sẽ mang tính khoa học và tính khả thi cao.



### Chương 3

## HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÔN NHÂN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

### 3.1. Quan điểm và định hướng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

#### 3.1.1. Quan điểm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Kể từ khi Đảng và Nhà nước ta thực hiện đường lối đổi mới, mở cửa, các quan hệ trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội giữa Việt Nam và các nước trên thế giới ngày càng được củng cố và phát triển, trong đó có lĩnh vực hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài. Quan hệ này bắt đầu phát sinh và phát triển vào khoảng thập niên 90 của thế kỷ 20 như hệ quả tất yếu của sự phát triển, hội nhập ngày càng sâu. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời điều chỉnh các quan hệ này. Tuy nhiên, theo đánh giá của các cơ quan chức năng, tình hình kết hôn có yếu tố nước ngoài vẫn đang diễn ra khá phức tạp, tiêu cực và phần lớn người Việt Nam kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn là phụ nữ, câu chuyện hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài đã hoặc đang tiềm ẩn việc mất cân đối dân số về giới tính cục bộ tại một số địa phương.

Hôn nhân có yếu tố nước ngoài vốn là kết quả tất yếu có quá trình hội nhập. Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trở thành một nhiệm vụ quan trọng luôn được quan tâm thực hiện. Thông qua hoạt động này nhằm góp phần lành mạnh hóa các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, trên nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đồng thời tạo cơ sở pháp lý để nhà nước công nhận và bảo hộ quyền con người, quyền, nghĩa vụ công dân, cũng như có biện pháp quản lý dân cư

một cách khoa học, phục vụ thiết thực cho việc xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước.

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, ngày 25/02/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg được đánh giá là “kịp thời và cần thiết”. Theo đó, các bộ, ngành đã tích cực triển khai các hoạt động hướng đến việc đảm bảo lành mạnh hóa quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, thực hiện nguyên tắc hôn nhân tự nguyện tiến bộ của Luật Hôn nhân và gia đình... và được tổng kết 5 năm thực hiện vào ngày 22/4/2011 với nhiều kết quả khả quan. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong việc quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài như: Nhiều trường hợp kết hôn giữa phụ nữ Việt Nam với nam giới người nước ngoài còn mang nặng mục đích kinh tế hoặc mang tính trào lưu, thông qua môi giới trái phép; tại một số địa phương có dự án đầu tư của nước ngoài có hiện tượng phụ nữ Việt Nam chung sống như vợ chồng với chuyên gia, công nhân nước ngoài mà không đăng ký kết hôn. Hoạt động kinh doanh MGKH bất hợp pháp của một số tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức không lành mạnh, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của phụ nữ Việt Nam, gây phản cảm, bức xúc trong dư luận.

Tồn tại trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng là việc thực hiện Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg ngày 25/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài chưa thật sự nghiêm túc. Trong thời gian tới, để tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, lệch lạc, làm lành mạnh quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, các bộ, ngành, cơ quan và UBND các cấp cần tiếp tục triển khai nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị

số 03/2005/CT-TTg ngày 25/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục hoàn thiện thể chế về vấn đề này. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Bên cạnh đó, cần bố trí cán bộ làm công tác giải quyết việc kết hôn có yếu tố nước ngoài phù hợp, tránh việc cán bộ lợi dụng những quy định của pháp luật để gây phiền hà, sách nhiễu cho công dân. Đồng thời, tăng cường công tác hướng dẫn, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra việc giải quyết hồ sơ kết hôn có yếu tố nước ngoài và tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác hộ tịch tại địa phương.

### ***3.1.2. Định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài***

Trong Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018 của Bộ Tư pháp, số liệu cho thấy trong khi tổng số đăng ký kết hôn giảm thì đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tiếp tục tăng khá nhiều so với năm trước; đăng ký kết hôn tổng số **731.883** cặp (giảm 3,5%), trong đó có **18.718** trường hợp có yếu tố nước ngoài (tăng 15,85%). Cho thấy, nhu cầu kết hôn với người nước ngoài vẫn đang có xu hướng gia tăng, để đảm bảo quan hệ này phát triển một cách lành mạnh cần:

- Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính gắn với việc ứng dụng khoa học kỹ thuật.

- Các cơ quan, tổ chức cần có sự phối kết hợp với nhau nhằm nâng cao năng lực tổ chức, thực hiện pháp luật hôn nhân và gia đình về quan hệ kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể, nhất là Hội phụ nữ đặc biệt là các Trung tâm hỗ trợ kết hôn trong việc tư vấn, hỗ trợ các chị em phụ nữ khi họ muốn kết hôn với người nước ngoài.

- Nâng cao năng lực công tác của cán bộ làm công tác quản lý theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại gắn với trách nhiệm từng chức danh.

- Tổ chức biên soạn các tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài nhằm góp phần tạo chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về vấn đề này.

- Xác lập cơ chế thông tin giữa Bộ Tư pháp với các cơ quan có liên quan về tình hình sinh sống của công dân Việt Nam tại nước ngoài sau kết hôn.

- Xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

### **3.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài**

Về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, có thể nói rằng pháp luật Việt Nam đã thể hiện chính sách của nhà nước trong việc tôn trọng quan hệ kết hôn tự nguyện, tiến bộ, tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cùng với quá trình phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế sâu rộng, pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình đã tạo khung pháp lý quan trọng để ghi nhận, bảo hộ các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau trên lãnh thổ Việt Nam nhưng bên cạnh những ưu điểm thì pháp luật Việt Nam vẫn còn tồn tại những hạn chế cần giải pháp khắc phục. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, cũng như thực trạng công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố

nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An trong thời gian qua, từ việc đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong việc quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tác giả đã nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp mang tính cốt lõi, đó là: *Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

### ***3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài***

*Thứ nhất, cần hợp pháp hóa hoạt động môi giới kết hôn, vì những lý do sau:*

- MGKH đóng vai trò như là cầu nối, đáp ứng nhu cầu tìm bạn đời của không ít người, MGKH có mặt tích cực là tạo điều kiện cho hai bên có điều kiện làm quen, tiếp xúc và tìm hiểu nhân thân của nhau, đó cũng là những yếu tố cần thiết để hình thành giai đoạn tiền hôn nhân, nhất là trong xã hội công nghiệp và các chủ thể không cùng chung quốc tịch, có nhiều sự khác nhau về ngôn ngữ, văn hóa, lối sống.... Trên thực tế nhiều người đã tìm được bạn đời qua những hình ảnh và thông tin của các dịch vụ môi giới. Mặt trái của MGKH là áp đặt, cung cấp thông tin sai lệch (hình ảnh, số liệu...) để lừa dối khách hàng nhằm mục đích kiếm lời, họ tìm mọi cách để thành công với mục đích kiếm được tiền, bất kể cả việc cung cấp thông tin sai, lừa dối đôi bên dẫn đến hậu quả khôn lường, làm nhiều gia đình tan vỡ, trong đó chịu thiệt thòi nhất vẫn là phụ nữ nhưng không thể vì những mặt tiêu cực của MGKH mà phủ nhận hoàn toàn vai trò cầu nối của loại hình này.

- Kết hôn là quyền cơ bản của con người, pháp luật các quốc gia đều ghi nhận: Mỗi người đều có quyền lựa chọn, quyết định hạnh phúc và người bạn đời riêng cho mình. Quyền kết hôn thể hiện ở chỗ con người có quyền tự do kết hôn với người cùng dân tộc hoặc với người không cùng dân tộc; với người

cùng tôn giáo hoặc không cùng tôn giáo; với người cùng quốc tịch hoặc không cùng quốc tịch. Pháp luật các nước đều tôn trọng và bảo vệ quyền tự do kết hôn của con người. MGKH là hoạt động hỗ trợ cho việc thực hiện quyền kết hôn, nếu được quản lý bằng các quy định pháp luật chặt chẽ thì sẽ giúp giảm thiểu tỷ lệ ly hôn của các gia đình đa văn hóa, giảm thiểu tình trạng kết hôn giả tạo, tránh được tình trạng kết hôn nhưng không có đầy đủ thông tin về đối tượng định kết hôn hoặc biết nhưng không chính xác về các thông tin...

Ví dụ: Ở Hoa Kỳ và Hàn Quốc, hoạt động MGKH được công nhận là hợp pháp thực hiện thông qua các văn phòng môi giới hoặc các công ty môi giới, được quản lý chặt chẽ bằng các văn bản pháp luật.

Tại Hoa Kỳ là Luật quy định về môi giới hôn nhân quốc tế năm 2005 thuộc phần VIII, tiêu mục D của Đạo Luật H.R.3402 (Violence Against Women and Department of Justice Reauthorization Act of 2005) được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua năm 2005 và có hiệu lực ngày 6 tháng 3 năm 2006 (Luật Môi giới hôn nhân quốc tế), luật này gồm 04 Điều (từ Điều 831 đến Điều 834), quy định về nhập cư, hoạt động môi giới hôn nhân quốc tế, quy định về bảo mật thông tin, quy định các hình thức xử phạt đối với người vi phạm quy định của luật và nguyên tắc hoạt động MGKH quốc tế; về bản chất, Luật Môi giới hôn nhân quốc tế nhằm bảo vệ phụ nữ là người nước ngoài kết hôn với đàn ông Hoa Kỳ tránh bị lạm dụng, bạo hành. Người phụ nữ nước ngoài khi nhập cư vào Hoa Kỳ thường không hiểu biết pháp luật, phong tục, tập quán, các vấn đề xã hội ở Hoa Kỳ. Luật Môi giới hôn nhân quốc tế quy định đàn ông Hoa Kỳ trước khi kết hôn với phụ nữ là người nước ngoài có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin cho họ. Luật Môi giới hôn nhân quốc tế cũng quy định công ty môi giới hôn nhân quốc tế phải cung cấp Cẩm nang

thông tin về quyền pháp lý, cơ quan hỗ trợ cho người nhập cư là nạn nhân của bạo lực gia đình cho các khách hàng nữ là người nước ngoài [48, tr. 108-119].

Tại Hàn Quốc là Luật Quản lý nghề môi giới hôn nhân được Chính phủ Hàn Quốc ban hành vào năm 2013 nhằm kiểm soát các hoạt động tư vấn và giới thiệu hôn nhân, trong đó có môi giới hôn nhân quốc tế. Luật Quản lý nghề môi giới hôn nhân quy định những người hành nghề môi giới phải cung cấp chính xác các thông tin về tiểu sử hôn nhân, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp, lý lịch tư pháp, quy định của pháp luật nước sở tại cho đối tượng kết hôn, những thông tin này phải được viết bằng tiếng mà người nhận thông tin và đối phương có thể hiểu được [23].

- Pháp luật Việt Nam không công nhận hình thức MGKH, các văn bản pháp luật về hôn nhân gia đình tuy không có điều, khoản quy định về MGKH cũng như không có quy định về cấm MGKH nhưng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã gián tiếp đề cập đến vấn đề MGKH trái đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc sẽ bị nghiêm cấm và ở Nghị định số 68/2002/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài chính thức nghiêm cấm hoạt động kinh doanh MGKH; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi nhằm mục đích kiếm lời dưới mọi hình thức nhưng cho phép hoạt động hỗ trợ kết hôn trên nguyên tắc nhân đạo, phi lợi nhuận. Việc hỗ trợ kết hôn được tiến hành thông qua hoạt động đặc trách của một tổ chức có tên là "Trung tâm hỗ trợ kết hôn" do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam từ cấp tỉnh trở lên thành lập nhưng không mang lại hiệu quả tích cực và tính phi lợi nhuận thì khó có thể xác định được [5].

*Thứ hai, cần quy định cụ thể thủ tục phỏng vấn trong một số trường hợp đặc biệt khi đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài*

Trước khi chuyển giao thẩm quyền đăng ký kết hôn từ UBND cấp tỉnh về cho UBND cấp huyện, Sở Tư pháp vẫn thực hiện thủ tục phỏng vấn khi đăng ký kết hôn và ý nghĩa của nó như một quy định mở để từ chối kết hôn. Khi triển khai Luật Hộ tịch có rất nhiều ý kiến trái chiều về vấn đề này được đưa ra tranh luận là nên giữ hay bỏ thủ tục phỏng vấn khi giải quyết yêu cầu đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài. Ý kiến đồng tình với việc loại bỏ thủ tục này, coi đây là “bước cải cách mạnh mẽ”, hướng tới bảo đảm quyền công dân, quyền con người trong việc thực hiện kết hôn vì thủ tục này nặng về hình thức, hãn hữu mới có trường hợp kết hôn bị từ chối thông qua kết quả phỏng vấn, mặt khác, nội dung phỏng vấn rất rộng, vượt ngoài khả năng hiểu biết của cán bộ làm công tác hộ tịch bởi ngoài việc đánh giá mức độ hiểu biết hoàn cảnh gia đình, cá nhân của nhau, phỏng vấn còn để đánh giá mức độ hiểu biết của các bên về văn hóa, lịch sử, pháp luật, phong tục tập quán của mỗi nước. Trong khi đó, ý kiến ủng hộ biện pháp “phỏng vấn” lại được xem như một “rào cản pháp lý” nhằm góp phần làm lành mạnh hóa quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài và bảo vệ quyền lợi của các bên khi kết hôn.

Theo đánh giá của Cục Hộ tịch, quốc tịch và chứng thực về hiệu quả của biện pháp này trên thực tế thì mục đích to lớn nhưng không hiệu quả, việc triển khai có nhiều bất cập và dễ nảy sinh tiêu cực. Tuy nhiên, bản thân tác giả nhận thấy việc không quy định thủ tục phỏng vấn làm cho công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thiếu chặt chẽ, nhiều trường hợp cán bộ chuyên môn nhận thấy các đôi nam nữ trên thực tế không đảm bảo tính tự nguyện khi đăng ký kết hôn cụ thể họ không thể giao tiếp với nhau chung một ngữ, ngay cả những cử chỉ thông thường mà phải nhờ đến công cụ hỗ trợ là điện thoại đã cài sẵn phần mềm chuyển đổi ngôn ngữ để giao tiếp trong khi đó về mặt thủ tục họ hoàn toàn đáp ứng điều kiện kết hôn thì cán bộ tiếp nhận không có cơ sở để từ chối, cần nhìn nhận một cách khách quan hiệu quả của



biện pháp phỏng vấn không cao xuất phát từ việc quy định chưa chặt chẽ và triển khai thực hiện không thống nhất giữa các địa phương chứ không xuất phát từ việc nó không còn cần thiết. Theo tác giả cần quy định thủ tục phỏng vấn khi đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài trong một số trường hợp đặc biệt như khi có sự chênh lệch tuổi tác quá lớn, người nước ngoài có dị tật, kết hôn nhiều lần, hai bên không thể giao tiếp bằng ngôn ngữ chung, hay thời gian tìm hiểu ngắn.... Và phải quy định chặt chẽ cách thức phỏng vấn, bản chất của phỏng vấn kết hôn nhằm mục đích gì, phỏng vấn những nội dung gì, khi những nội dung đó không đạt thì dẫn đến hậu quả pháp lý gì, kể cả quy định về người phỏng vấn, người phiên dịch, chi phí phiên dịch...

Quá trình phỏng vấn cần được thực hiện một cách kỹ lưỡng để đảm bảo cuộc hôn nhân đó trên tinh thần tự nguyện, hai bên đã có tìm hiểu về nhau, về gia đình, văn hóa đất nước mình sẽ sinh sống, tránh trường hợp phỏng vấn qua loa, dễ bỏ sót các vụ mua bán người, kết hôn vì mục đích khác, ảnh hưởng tới cuộc sống của người phụ nữ về sau.

*Thứ ba, cần hoàn thiện một số quy định pháp luật*

- Hoàn thiện các quy định trong Nghị định số 123/2015/NĐ-CP như sau:

+ Bổ sung quy định trách nhiệm lập danh sách các tổ chức y tế có thẩm quyền cấp xác nhận một người không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi (gọi tắt là giấy xác nhận). Theo quy định tại Điều 38 Luật Hộ tịch khi làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài thì hai bên nam nữ phải nộp giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận người đó không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ hành vi của mình cho cơ quan đăng ký hộ tịch, nhưng tại Nghị định số 123/2015/NĐ-CP lại không có điều, khoản nào quy định cơ quan y tế nào là có thẩm quyền cấp loại giấy xác nhận này hay trách nhiệm quy định thuộc về cơ quan nào.

Đáng lẽ, việc quy định tổ chức y tế có thẩm quyền xác nhận người không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thuộc quyền và trách nhiệm của ngành y tế, về nguyên tắc tổ chức y tế nào cấp giấy xác nhận phải là tổ chức có thẩm quyền cấp, trường hợp cấp sai thẩm quyền thì tổ chức đó sẽ chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về y tế, quy định của Luật Hộ tịch nhằm tạo điều kiện cho người có yêu cầu đăng ký kết hôn có thể sử dụng giấy xác nhận của bất kỳ tổ chức y tế nào có thẩm quyền. Tuy nhiên, việc quy định chung chung như trên dẫn đến công chức tiếp nhận khó khăn trong việc xác định tính hợp lệ của loại giấy tờ này. Để thực hiện thống nhất, cần quy định trách nhiệm của Sở Tư pháp và Sở Y tế trong phạm vi mỗi địa phương trao đổi với nhau để lập danh sách các tổ chức y tế trên địa bàn tỉnh có thẩm quyền cấp giấy xác nhận và công khai trên trang thông tin điện tử của mỗi Sở. Trường hợp đương sự sử dụng giấy xác nhận do tổ chức y tế thuộc địa bàn tỉnh/thành phố khác cấp thì công chức tiếp nhận có thể xác định tính hợp lệ của giấy xác nhận thông qua trao đổi với Sở Tư pháp tỉnh/thành phố đó hoặc tra cứu trên Cổng Thông tin điện tử.

+ Quy định cụ thể trong trường hợp nào phải ghi chú ly hôn đối với công dân Việt Nam có hộ khẩu, chứng minh nhân dân chứng minh quốc tịch Việt Nam đồng thời có Hộ chiếu mang quốc tịch nước ngoài hoặc có thể thường trú ở nước ngoài.

+ Quy định thẩm quyền ghi chú ly hôn trong trường hợp công dân Việt Nam sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn sau đó ra nước ngoài và được tòa án ra quyết định hủy việc kết hôn.

+ Cho phép công dân Việt Nam đang cư trú trong nước được cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian cư trú ở nước ngoài đối với trường hợp không thể tự chứng minh về tình trạng hôn nhân và cơ quan đăng

ký hộ tịch không nhận được phản hồi từ cơ quan có thẩm quyền của nước ngày theo thời gian quy định.

+ Quy định cụ thể về việc xác định tình trạng hôn nhân của các bên tham gia kết hôn, nhất là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài nhưng trước khi xuất cảnh tại Việt Nam đã đủ tuổi kết hôn, có quy định rõ ràng về trình độ ngôn ngữ giao tiếp chung, tìm hiểu về văn hoá, phong tục tập quán của quốc gia có người nước ngoài kết hôn với phụ nữ Việt Nam.

- Hoàn thiện quy định về điều kiện kết hôn đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài

Quy định tại Điều 126 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn; nếu việc kết hôn tiến hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì người nước ngoài còn phải tuân theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình của Việt Nam về điều kiện kết hôn và các trường hợp cấm kết hôn. Như vậy, quy định về điều kiện kết hôn đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài áp dụng tương tự như hôn nhân trong nước, không có quy định về các điều kiện đặc biệt khác. Thực tế này cho thấy, cần quy định chặt chẽ các điều kiện kết hôn với người nước ngoài, bổ sung một số điều kiện cần thiết như điều kiện về trình độ ngôn ngữ, về sức khỏe, đã trải qua lớp đào tạo về văn hóa hôn nhân, gia đình của nước ngoài...

*Thứ tư, Việt Nam cần tham gia ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp với các nước về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.*

Trong hôn nhân có yếu tố nước ngoài việc ký kết các HĐTTTP giữa các quốc gia sẽ là cơ sở quan trọng để giải quyết nhiều vấn đề đang tồn tại, bất cập như xem xét tính hợp pháp của hôn nhân, điều kiện kết hôn giữa các chủ

thể có đáp ứng được hay không cũng như việc theo dõi cuộc sống sau hôn nhân để nắm bắt tình hình và bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân nước mình khi cần thiết. Thực tế cũng cho thấy do chưa có văn bản hợp tác để có giải pháp cho những vấn đề xung đột pháp luật nên trong quan hệ hôn nhân giữa công dân Việt Nam với công dân ở một số nước, vùng lãnh thổ như Hàn Quốc, Đài Loan đã nảy sinh tình trạng lách luật trong việc đăng ký kết hôn, quyền lợi của công dân Việt Nam sinh sống ở nước ngoài chưa được bảo hộ đúng mức. Chẳng hạn, pháp luật Hàn Quốc chấp nhận việc đăng ký kết hôn vắng mặt, trong khi đó pháp luật Việt Nam yêu cầu hai bên nam nữ phải có mặt khi làm thủ tục đăng ký kết hôn.

### ***3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài***

*Thứ nhất, tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong đăng ký và quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài.*

- Theo quan điểm của triết học duy vật biện chứng thì vật chất quyết định ý thức, khi ta đặt ra nhiều yêu cầu quản lý phải như thế này, như thế khác, phải nhanh chóng, hiện đại, chuyên nghiệp nhưng điều kiện khách quan không đáp ứng, không đảm bảo thì cũng không thể thực hiện được. Nên việc tăng cường cơ sở vật chất cho công tác hộ tịch là cần thiết. Nơi lưu trữ, máy vi tính, máy Scan, máy in cần phải được đầu tư, định kỳ bảo trì và có phương thức lưu trữ dữ liệu hộ tịch dưới hình thức dữ liệu điện tử, ứng dụng phần mềm quản lý hộ tịch kết nối với phần mềm một cửa điện tử trong giải quyết các hồ sơ liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài tất cả các khâu từ đăng ký hồ sơ cho đến khâu cuối cùng là hoàn thành và lưu hồ sơ đảm bảo hồ sơ được xử lý qua hệ thống máy tính có nối mạng, sau khi hoàn thành hệ thống sẽ tự động gửi tin nhắn cho người dân.

- Đối với dữ liệu giấy, cũng cần phải quan tâm đến chất lượng của các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu và mực viết vì thực tế hiện nay, chất lượng của sổ hộ tịch chưa đảm bảo, rất dễ bong tróc, bìa khá dày nên việc sao lưu để lưu trữ bản sao có chứng thực khá khó khăn; Mực thì mỗi nơi sử dụng một kiểu nhưng hầu như chất lượng đều không đảm bảo, một thời gian đã phai màu, không còn đọc được thông tin.

- Hiện nay, liên quan đến giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài ở các nước được Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp cung cấp cho các địa phương dưới hình thức Công văn và chỉ có một số nước có kèm theo biểu mẫu bằng tiếng nước ngoài dưới dạng bản photocopy nên việc nhận dạng các loại mẫu dấu là rất khó khăn chưa kể đến việc một số nước chỉ cung cấp tên giấy tờ mà không có biểu mẫu. Trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp có một chuyên trang về Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực trong đó cập nhật danh sách những trường hợp xin thôi quốc tịch, những bản án, quyết định ly hôn, hủy việc kết hôn có yêu cầu thi hành, không công nhận tại Việt Nam và mục thông tin nghiệp vụ, ở mục này là các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, cung cấp thông tin về hộ tịch có yếu tố nước ngoài như thông tin liên quan về điều kiện kết hôn, quy định pháp luật của các nước hay những vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài (bên cạnh văn bản gửi riêng cho địa phương có vướng mắc). Tuy nhiên, các văn bản này lại được xếp theo thứ tự thời gian, chung với các nội dung quốc tịch, chứng thực, hộ tịch trong nước...và số lượng khá lớn nên việc tra cứu và tìm kiếm cũng không hề đơn giản. Do đó, rất cần một chuyên trang liên kết với Sở Tư pháp các tỉnh, theo đó cập nhật các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp trên về các vấn đề liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài để công chức chuyên môn tiện tra cứu và người dân cũng có thể biết rõ để thực hiện tốt.

*Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Hộ tịch, Bộ luật Dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài:*

Như tác giả đã phân tích ở Chương 1, nhận thức của chính những chủ thể tham gia vào quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, là một trong những yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài và việc thay đổi nhận thức này chính là nhiệm vụ của công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Thông thường, người dân chỉ quan tâm tới pháp luật khi bản thân họ phải rơi vào tình thế sự việc miễn cưỡng, lợi ích bị xâm hại... dính líu tới pháp luật (kiện cáo, tranh chấp...). Bởi vậy, cái khó của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là cần giải thích, phân tích cho người dân hiểu được rằng, pháp luật không chỉ dùng để giải quyết những tranh chấp còn bao gồm các quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi họ tuân theo pháp luật. Trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài đa số chỉ đến cơ quan nhà nước khi cần thực hiện thủ tục kết hôn, ly hôn, hoặc giải quyết những tranh chấp liên quan đến hôn nhân và lúc đó các bên mới thật sự quan tâm đến pháp luật. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, PBGDPL về Hôn nhân và gia đình để làm chuyển biến phần nào ý thức của người dân trong việc kết hôn với người nước ngoài, cho họ biết những quy định pháp luật về điều kiện kết hôn, những trường hợp cấm kết hôn, những hành vi lợi dụng hôn nhân nhằm mục đích trục lợi cho cá nhân hay tổ chức, cảnh báo những rủi ro cho công dân trong độ tuổi kết hôn và các bậc cha mẹ về những rủi ro có thể gặp phải khi chấp nhận kết hôn với người nước ngoài (những bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, lối sống, việc làm...), những điều kiện để được nhập quốc tịch, cấp thẻ xanh... Để đạt được

mục đích trên việc tuyên truyền, PBGDPL phải đa dạng, phong phú, phù hợp với đối tượng tuyên truyền và đặc biệt là phải thực hiện dưới nhiều hình thức có thể như tọa đàm cho đối tượng học sinh cấp 3, đoàn viên thanh niên, những buổi nói chuyện, hoạt cảnh tình huống, lời ca, tiếng hát... trong các buổi sinh hoạt tại địa phương; câu chuyện pháp luật qua các hoạt cảnh trên phát thanh hoặc truyền hình. Đội ngũ làm công tác PBGDPL cần tuyển chọn những người có phẩm chất, năng lực, trình độ, có khả năng thu hút người nghe, có lòng nhiệt tình, say mê với công việc PBGDPL. Và việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật không chỉ dừng lại ở đối tượng là người dân mà ngay cả những cán bộ, công chức có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài để nâng cao ý thức, thái độ tôn trọng pháp luật để thực thi nhiệm vụ hiệu quả.

*Thứ ba, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác đăng ký và quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.*

Cần phải nhìn nhận rằng, hôn nhân có yếu tố nước ngoài là một xu thế tất yếu trong bối cảnh hội nhập hiện nay liên quan chặt chẽ đến xã hội, đến con người cụ thể, có thể làm phát sinh nhiều tiêu cực ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân và gia đình của mỗi cá nhân, ảnh hưởng đến sự ổn định của xã hội. Và việc khắc phục những tồn tại hiện nay trong công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là một đòi hỏi cấp bách. Với tư cách là những chủ thể thực thi pháp luật thì đội ngũ cán bộ, công chức đóng vai trò không thể thiếu trong việc khắc phục những tồn tại, hạn chế trên. Hiện nay, vấn đề cần thiết là phải rà soát lại đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, từ đó có chính sách, kế hoạch khoa học và cụ thể trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức công tác trong lĩnh vực này, kể cả các cán bộ làm công tác tiếp nhận hồ

sơ lên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài cũng cần phải được tập huấn thường xuyên để có thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ vì khi đến đăng ký kết hôn, chi chú kết hôn hay ghi chú ly hôn, người dân cần sự hướng dẫn, giải thích cụ thể của người có chuyên môn, người nắm vững về quy trình, thủ tục, hồ sơ nhưng khi cơ chế “một cửa” ra đời thì mục đích của cơ quan nhà nước là tránh liên hệ trực tiếp giữa người dân và cán bộ giải quyết vụ việc để tránh nảy sinh tiêu cực, nhưng nhiều cán bộ tiếp nhận chưa thể nắm bắt hết được, vẫn phải cần đến cán bộ ở phòng chuyên môn hỗ trợ nên hiệu quả của cơ chế một cửa không đạt được. Mặt khác tâm lý chung của người dân khi liên hệ làm hồ sơ là muốn việc của mình giải quyết ngay, nhanh và khi được hướng dẫn vẫn có tâm lý không chắc chắn về hồ sơ của mình nên có xu hướng nhờ người can thiệp, giải quyết nhanh hồ sơ, dẫn tới việc “cò” bên ngoài các cơ quan nhà nước tiếp cận người dân và trục lợi.

Việc tổ chức các hội nghị, trao đổi là cần thiết hơn các buổi tập huấn chuyên đề bởi các vấn đề liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài khá phức tạp, có liên quan chặt chẽ đến pháp luật của nhiều quốc gia, có sự cản trở về mặt ngôn ngữ, không gian... và nhiều trường hợp phải giải quyết bằng sự tích lũy kinh nghiệm nên việc các cán bộ, công chức ngồi lại để đưa ra các vấn đề còn vướng mắc tại địa phương, chia sẻ kinh nghiệm, các trường hợp đã giải quyết sẽ rất hữu ích, nhất là đối với các đơn vị ít phát sinh hồ sơ sẽ có cơ hội tích lũy kinh nghiệm giải quyết khi thực tế có phát sinh và cũng trên cơ sở này, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực sẽ kịp thời có những hướng dẫn thống nhất.

- Thường xuyên thực hiện công tác giáo dục, chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo đội ngũ cán bộ công chức làm công tác đăng ký và quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đủ năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao và



chống lại sự quan liêu, tham nhũng, né tránh trách nhiệm, thờ ơ, coi thường, lơ là trước những đòi hỏi của nhân dân, chống phương pháp làm việc bàn giấy hình thức bên cạnh đó cũng cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức tự học nâng cao trình độ, đặc biệt là ngoại ngữ. Đảm bảo được đội ngũ cán bộ, công chức vừa có năng lực chuyên môn vừa có đạo đức tốt là một trong những điều kiện tiên quyết, quan trọng hàng đầu để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

*Thứ tư, phối hợp với các cơ quan có liên quan để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài*

- Để quản lý thực sự có hiệu quả cần có sự phối hợp hữu cơ giữa các cơ quan liên quan công tác quản lý nhà nước, có sự gắn kết chặt chẽ trong quan hệ giữa các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể nhân dân trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ. Hiện nay, các văn bản pháp luật có liên quan không quy định rõ ràng cơ chế, trách nhiệm phối hợp trong thẩm tra, xác minh, cung cấp, thông báo thông tin giữa các cơ quan Công an, Tư pháp và các ngành có liên quan khác nhằm phát hiện, ngăn chặn các trường hợp không đủ điều kiện kết hôn hoặc vi phạm pháp luật cộng với thời gian xác minh theo quy định là rất ngắn (Hồ sơ đăng ký kết hôn, ghi chú kết hôn, ghi chú ly hôn thời gian xác minh và giải quyết là không quá 10 ngày). Trên thực tế do không quy định trách nhiệm cụ thể nên dẫn đến tình trạng không rõ trách nhiệm, gây sự tùy tiện của từng cơ quan và đổ lỗi trách nhiệm cho nhau, cuối cùng người dân lại phải chờ đợi. Do vậy, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cần chủ động có cơ chế phối hợp với các cơ quan có liên quan, đặc biệt là cơ quan Công an bằng nhiều hình thức như thông qua việc tham mưu UBND tỉnh, UBND huyện ban hành Quy chế phối hợp để giải quyết hồ sơ kết hôn có yếu tố nước ngoài, chỉ thị tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực

này, tăng cường công tác tuyên truyền nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng việc lợi dụng đăng ký kết hôn nhằm mục đích vụ lợi.

- Bên cạnh đó, cần huy động sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ tạo ra những sân chơi vui tươi, lành mạnh, cuốn hút thanh niên, tạo nhiều hội nhóm sinh hoạt, tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức con người Việt Nam, chống lối sống thực dụng, đua đòi, văn hóa ngoại lai trong một bộ phận thanh niên. Đồng thời, tăng cường công tác dạy nghề giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt là phụ nữ vùng xa, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số, những người bị buôn bán hoặc do hôn nhân bất hạnh trở về quê hương. Đây là yếu tố có ý nghĩa then chốt của vấn đề khi có công ăn việc làm ổn định, không quá bị bức thúc về vấn đề thu nhập con người sẽ không rơi vào tình trạng nhắm mắt đưa chân. Hơn nữa, có việc làm không chỉ giúp con người có thu nhập mà còn tăng thêm nhận thức về các hoạt động của mình để không đem hôn nhân, hạnh phúc của cuộc đời mình ra đánh đổi.

- Các địa phương giáp khu vực biên giới cần tăng cường kiểm soát khu vực biên giới, đẩy mạnh công tác quản lý dân cư để ngăn ngừa, chấm dứt tình trạng công dân Việt Nam vượt biên trái phép qua biên giới để chung sống như vợ chồng với công dân nước láng giềng mà không đăng ký kết hôn; đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện việc đăng ký kết hôn ở các xã biên giới.

*Thứ năm, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.*

Để góp phần vào việc nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân có yếu tố nước ngoài, công tác thanh tra, kiểm tra cần được tiến hành thường xuyên. Thông qua việc kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, khi phát hiện có những hạn chế trong báo cáo định kỳ hoặc thông qua giải quyết các khiếu nại có liên quan hay những phản ánh trên các

phương tiện thông tin đại chúng.... thì cần phải tiến hành kiểm tra để xem xét tính hợp pháp trong việc thực hiện các quy định của pháp luật như từ việc ban hành các văn bản chỉ đạo đến việc triển khai thực hiện các văn bản trên, các điều kiện đảm bảo thực hiện, ..., thanh tra được tiến hành kịp thời nhằm phát hiện và xử lý nghiêm khắc những cán bộ có hành vi tiêu cực trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Yêu cầu của thanh tra, kiểm tra là lực lượng làm công tác thanh tra, kiểm tra phải nắm vững về chuyên môn, quy trình kiểm tra, thanh tra phải đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định, phải theo dõi công tác khắc phục, xử lý sau mỗi đợt kiểm tra, thanh tra...

### **Kết luận Chương 3**

Chương 3 của luận văn đã nêu ra những quan điểm, định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài đồng thời trên cơ sở đánh giá thực trạng từ Chương 2 đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hôn nhân có yếu tố nước ngoài và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, trong các giải pháp này có những giải pháp cần thực hiện ngay, có những giải pháp khi thực hiện cần phải có lộ trình, điều kiện, thời gian, không gian khác nhau. Do vậy, khi áp dụng các giải pháp chúng ta cần phải tính toán khách quan, toàn diện, ứng dụng linh hoạt và xác định lộ trình thực hiện cho các giải pháp đã đề ra.

## KẾT LUẬN

Hôn nhân là việc trọng đại trong cuộc đời mỗi con người, đó là việc nam nữ chính thức lấy nhau làm vợ chồng. Là việc riêng của mỗi cá nhân, song hôn nhân có ảnh hưởng to lớn đến đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, không chỉ của cá nhân, gia đình mà còn tới toàn xã hội, sự tác động này còn mạnh mẽ hơn nữa khi hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Trong những năm gần đây, sự gia tăng các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài là kết quả tất yếu của quá trình phát triển kinh tế, xã hội trong xu thế hội nhập. Hôn nhân có yếu tố nước ngoài có những tác động tích cực là tạo ra sự đan xen, sự tiếp cận đa dạng văn hoá, tạo điều kiện để giao lưu học hỏi. Tuy nhiên, những mặt trái của nó cũng mang lại nhiều hiện tượng tiêu cực, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết như tình trạng bạo lực gia đình, ly hôn, trẻ em thiếu sự chăm sóc của cha, mẹ, tình trạng mất cân bằng giới tính...ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm lý - xã hội, lối sống, trật tự, an toàn xã hội. Thực tế đã cho thấy xu hướng “vọng ngoại” trong hôn nhân ngày càng gia tăng. Không ít cá nhân và gia đình coi kết hôn với người nước ngoài là chìa khóa để cải thiện đời sống về kinh tế, dẫn tới nhiều cuộc hôn nhân không có tình cảm, mà là sự “mua bán”, bất chấp sự chênh lệch về tuổi tác, về sức khỏe, bất đồng về tâm lý, văn hóa. Thực tế trên đòi hỏi công tác quản lý nhà nước cần phải được tăng cường, cần có biện pháp phù hợp để các cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài vừa bảo đảm tính pháp lý, vừa đảm bảo tính tiến bộ và hạnh phúc, góp phần phát triển bền vững xã hội.

Công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An những năm qua đã có nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định, nhất là khi Luật Hộ tịch năm 2014 chuyển thẩm quyền giải quyết các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài về cho

cấp huyện. Với mục tiêu nghiên cứu quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Long An đã đặt ra từ đầu, luận văn đã giải quyết được một số vấn đề được coi là chủ yếu và then chốt nhất, đó là:

- Luận văn đã làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, đưa ra khái niệm quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; chỉ ra đối tượng, nội dung và chủ thể của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài cũng như nêu lên vai trò và các yếu tố tác động đến công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Long An từ năm 2013 đến nay, từ đó đưa ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý nhà nước.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở nước ta hiện nay.

Với mong muốn đóng góp một phần ý tưởng của mình nhằm hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài, sau khi tìm hiểu và phân tích cơ sở lý luận, pháp lý cũng như thực trạng công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Long An, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý nhà nước hiện nay. Tác giả cũng hy vọng gợi mở thêm một số vấn đề, nội dung thiết thực cho việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu vấn đề trên nhiều phương diện nhưng chắc chắn tác giả vẫn không tránh khỏi các thiếu sót, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Vì vậy tác giả mong nhận được các ý kiến đóng góp để vấn đề nghiên cứu được hoàn thiện hơn và có ích trong thực tế.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Anh (2005), *Quan niệm của Ph.Ăngghen về tình yêu, hôn nhân và gia đình trong tác phẩm “ Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”*, Tạp chí Triết học, (Số 11(174)), tr.1-7;
2. Nông Quốc Bình (2003), *Pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
3. Bộ Tư pháp (2013), *Báo cáo số 153/BC-BTP Ngày 15/7/2013 báo cáo tổng kết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000*;
4. Bộ Tư pháp (2018), *Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 02/01/2018 tổng kết công tác năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018*;
5. Bộ Tư pháp, *Giấy xác nhận đã được tư vấn, hỗ trợ về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài – sẽ không còn là quy định bắt buộc*, <http://ctpn.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi-kinh-nghiem.aspx>, 02/02/2015;
6. Bộ Tư pháp (2013), *Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*, Hà Nội;
7. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm*

2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Hà Nội;

8. Bộ Tư pháp, *Thực trạng kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực phía Nam*, <http://ctpn.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=36>, 6/8/2015

9. Chính phủ (2002), *Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội;

10. Chính phủ (2006), *Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2006 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP*, Hà Nội;

11. Chính phủ (2013), *Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*, Hà Nội;

12. Chính phủ (2014), *Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội;

13. Chính phủ (2015), *Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch*, Hà Nội;

14. Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (2016), *Công văn số 1288/HTQTCT-HT ngày 15/9/2016 điều chỉnh một số biểu mẫu hộ tịch ban hành kèm Thông tư số 15/2015/TT-BTP*;

15. Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (2016), Công văn số 1185/HTQTCT-HT ngày 19/8/2016 Cung cấp thông tin liên quan đến việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài;

16. Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (2016), Công văn số 1522/HTQTCT-HT ngày 14/11/2016 về Thủ tục đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người Thái Lan, Trung Quốc (Đài Loan);

17. Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (2016), Công văn số 1576/HTQTCT-HT ngày 23/11/2016 Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong một số trường hợp;

18. Nguyễn Văn Cừ - Trần Thị Huệ (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Công An nhân dân, TP. Hồ Chí Minh;

19. Nguyễn Ngọc Điện (2004), *Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh;

20. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

21. Ngô Thị Hường (2015), *Hướng dẫn học tập – tìm hiểu Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội;

22. Khoa Luật Dân sự (2008), *Tập bài giảng Luật Hôn nhân và gia đình*, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

23. Lee Seon Hee, *Áp dụng pháp luật gia đình Hàn Quốc trong việc giải quyết vấn đề ly hôn của gia đình đa văn hóa Hàn Quốc – Việt Nam*,



<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=310>,  
12/12/2016;

24. Nhà Xuất bản Đà Nẵng (2011), *Từ điển Tiếng việt*, Đà Nẵng;

25. Bùi Xuân Như (2013), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

26. Quốc hội (1992), *Hiến pháp năm 1992* (Sửa đổi, bổ sung năm 2001), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

27. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

28. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự năm 2005*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

29. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

30. Quốc hội (2000), *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

31. Quốc hội (2014), *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

32. Quốc hội (2008), *Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)*, Nxb Lao động – xã hội, Hà Nội;

33. Quốc hội (2014), *Luật Hộ tịch năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

34. Mai Hồng Quỳnh (2016), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội;

35. Sở Tư pháp tỉnh Long An (2014), *Báo cáo số 70/BC-STP ngày 17/01/2014 tổng kết công tác tư pháp năm 2013 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2014*;

36. Phan Đăng Thanh – Trương Thị Hòa (2012), *Các chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam xưa và nay*, Nxb Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh;

37. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg ngày 25/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài*;

38. Nguyễn Văn Tiên – Lê Vĩnh Châu – Trần Thị Hương (2008), *Luật Hôn nhân và gia đình, 120 câu hỏi và tình huống và văn bản pháp luật áp dụng*, Nxb Lao động, Hà Nội;

39. Văn Hồng Tiên, *Một số vướng mắc trong việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Đồng Nai và một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi*, <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/dien-dan-cong-tac-tu-phap.aspx?ItemID=64>, 24/12/2015;

40. Trung tâm từ điển (2006), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Lao động, Hà Nội;

41. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

42. Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), *Giáo trình Luật Quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

43. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2013), *Quản lý học*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội;

44. UBND tỉnh Long An (2014), *Báo cáo số 278/BC-UBND ngày 1/12/2014 tổng kết công tác tư pháp năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2015*;

45. UBND tỉnh Long An (2016), *Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 29/11/2016 tổng kết công tác tư pháp năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2017*;

46. UBND tỉnh Long An (2017), *Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 28/11/2017 tổng kết công tác tư pháp năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018*;

47. Văn phòng Chính phủ (2011), *Thông báo số 133/TB-VPCP ngày 6/6/2011 thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại hội nghị toàn quốc về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*.

48. Congress of USA (2005), *H.R.3402 (Violence Against Women and Department of Justice Reauthorization Act of 2005)*, USA.

# NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**Đề tài:** Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Long An

**Chuyên ngành:** Luật Hiến pháp và Luật hành chính

**Mã số:** 8380102

**Của học viên:** Nguyễn Thị Hồng Cúc

**Người nhận xét**

**PGS.TS. Vũ Thư**

*(Học viện Khoa học xã hội)*

Đọc luận văn, tôi có nhận xét như sau:

## 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu được học viên lựa chọn là đề tài có tính cấp thiết và ý nghĩa thể hiện trên những khía cạnh cơ bản:

- Hôn nhân có yếu tố nước ngoài có liên quan đến quyền con người, quyền công dân, do đó, không thể không quản lý chặt chẽ trong xã hội văn minh tôn trọng, coi trọng quyền con người. Đó đồng thời là trách nhiệm của Nhà nước trước công dân;

- Hôn nhân có yếu tố nước ngoài là vấn đề bình thường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, cũng do nhiều nguyên nhân khác nhau, còn có hiện tượng hôn nhân nhằm các mục đích lệch lạc, bị lạm dụng cần đến sự quản lý của nhà nước để phòng ngừa, ngăn chặn;

- Thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, trong đó có tỉnh Long An, quản lý nhà nước đối với hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã được chú ý, nhưng thực tiễn cho thấy còn không ít vấn đề, có không ít các bất cập, hiệu quả chưa cao.

Vì vậy, việc học viên chọn đề tài nghiên cứu **Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Long An** là có tính thời sự và hữu ích đối với tỉnh Long An và các địa phương khác.

## 2. Về đề tài luận văn

Đề tài luận văn không thật mới, nhưng luôn có tính thời sự và nếu giải quyết tốt các vấn đề đặt ra vẫn là hữu ích.

Tên đề tài phù hợp với nội dung nghiên cứu và nội dung nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu Luật hiến pháp, và luật hành chính, mã số 838.01.02.

## 3. Cơ cấu luận văn và phương pháp nghiên cứu

Cơ cấu ba chương của luận văn và các tiêu mục trong mỗi chương nhìn chung hợp lý, logic.

Các phương pháp được sử dụng nói chung phù hợp với mục đích, đối tượng nghiên cứu, hiện đại, bảo đảm độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

*Thứ nhất*, về mặt lý luận, luận văn đã đề cập giải quyết được các vấn đề sau đây:

- Trên cơ sở xác định khái niệm và đặc điểm của hôn nhân có yếu tố nước ngoài với các đặc điểm chung của hôn nhân và các đặc điểm riêng của hôn nhân có yếu tố nước ngoài (*về pháp luật điều chỉnh, yếu tố chủ thể, khách thể, sự kiện pháp lý*) và các quy định pháp luật về loại hôn nhân này;

- Luận văn đã xác định và làm rõ được các vấn đề lý luận cơ bản thuộc đề tài: khái niệm và các hoạt động của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; Xác định được về cơ bản chủ thể, nội dung, đối tượng của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài;

- Xác định vai trò của quản lý nhà nước và các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên các phương diện: nhận thức, xung đột pháp luật, tình hình kinh tế - xã hội, sự phát triển của hoạt động môi giới hôn nhân bất hợp pháp.

Nhìn chung, luận văn đã đề cập và làm rõ được khá đầy đủ những vấn đề lý luận cơ bản liên về quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

*Thứ hai*, luận văn trình bày thực tiễn quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Long An, kết quả nghiên cứu thể hiện ở các điểm sau:

- Làm rõ và phân tích điều kiện tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tác động đến tình hình hôn nhân và quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- Làm rõ thực tiễn tổ chức quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Long An về: ban hành văn bản pháp luật, chỉ đạo quản lý, tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý, các hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật.

Các đánh giá về thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài với các ưu điểm và hạn chế (*về thủ tục hành chính; sai sót trong xác định thẩm quyền đăng ký, khả năng ghi nhớ thành phần hồ sơ chính xác, hoạt động môi giới bất hợp pháp...*) cùng các nguyên nhân (*về nhận thức, hướng dẫn nghiệp vụ, chất lượng công chức, tập huấn...*) khá phù hợp với thực tiễn được trình bày và người đọc có được hình dung nhất định về thực tế quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở địa phương.

*Thứ ba*, trên cơ sở xác định được những nét lớn quan điểm, định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, luận văn đã

đề xuất được các giải pháp như sau:

- Xác định quan điểm lãnh mạnh hóa các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên các nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững và nêu định hướng hoàn thiện quản lý.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý với: hoàn thiện pháp luật, trong đó có kiến nghị đáng chú ý về hợp pháp hóa việc môi giới hôn nhân, thủ tục phỏng vấn, tham gia ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp, tăng ...; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài (về cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, phối hợp giữa các cơ quan)

Các giải pháp đề xuất là các giải pháp cơ bản, bao quát được phạm vi lớn các đòi hỏi của hoàn thiện quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Nói chung, các giải pháp có tính khả thi trong thực tiễn.

\*

Đánh giá chung, luận văn đã thực hiện khá hoàn chỉnh và thành công trong việc thực hiện mục tiêu đặt ra cho đề tài.

### **5. Trao đổi với tác giả luận văn**

- Trình bày về vai trò của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài mờ nhạt, không mạch lạc và không tập trung.

- Những số liệu, kết quả, những diễn biến sinh động về hoạt động quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài còn mờ nhạt hoặc được bố trí không đúng chỗ.

- Các quan điểm và định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước tác giả cần phải thể hiện quan điểm và trình bày quan điểm từ phía người viết, không nên lấy quan điểm của Chính phủ để thay thế suy nghĩ của tác giả. Định hướng được tác giả trình bày thực ra là các giải pháp: phối hợp giữa các cơ quan và địa phương, hướng dẫn, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, cơ chế thông tin, biên soạn tài liệu tuyên truyền, rà soát đội ngũ cán bộ, ứng dụng thông tin...

- Trong đề xuất hoàn thiện pháp luật lại có nội dung về tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm... là không phù hợp. Trong các giải pháp vấn đề thanh tra, kiểm tra là hoạt động quản lý quan trọng không thấy được nói đến tham gia các giải pháp.

### **6. Đánh giá chung**

Đề tài luận văn được học viên thực hiện với cố gắng cao, nghiêm túc, Kết quả nghiên cứu cho thấy học viên nắm được khá vững vàng vấn đề nghiên cứu cả về lý luận và về thực tiễn.

Luận văn đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức của một luận văn thạc sỹ luật học.

Kính đề nghị Ông Giám đốc Học viện Khoa học xã hội cho phép học

viên được bảo vệ luận văn trước Hội đồng của Học viện.

*Xác nhận chữ ký của*  
*PGS. TS. Vũ Thư*

*Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2018*

**Người nhận xét**



**PGS.TS. Vũ Thư**

Câu hỏi: - Trong các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm có thuộc là một nội dung của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ?

- Giải pháp nào có tính đột phá hoặc quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2018

## BẢN NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SĨ CỦA NGƯỜI PHẢN BIỆN

Tên đề tài: *Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Long An*

Chuyên ngành: Luật hành chính – Hiến pháp

Mã số: 60380102

Họ và tên học viên: **Nguyễn Thị Hồng Cúc**

Người phản biện: **Đỗ Minh Khôi**

Đơn vị công tác của người phản biện: Trường Đại học Luật TP.HCM.

### NỘI DUNG NHẬN XÉT

#### 1. Tính cấp thiết, hình thức và cấu trúc của luận văn

- Hôn nhân có yếu tố nước ngoài là một vấn đề có tính thời sự ở Việt Nam hiện nay và đặc biệt với phụ nữ ở các tỉnh vùng sâu. Đề tài có tính cấp thiết, có lý do để nghiên cứu bởi quản lý nhà nước trong lĩnh vực này có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ quyền con người.

- Đề tài phù hợp với mã ngành Luật hành chính và Hiến pháp

- Tài liệu tham khảo đa dạng, phong phú (48 đầu tài liệu)

- Số liệu, bảng biểu chi tiết, đặc biệt nhiều số liệu ở chương 2 nhưng chưa dẫn nguồn tài liệu.

- Hình thức trình bày rõ ràng, đẹp.

- Về mặt lô-gích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu ở trang 4, 5 là phù hợp với tên của đề tài.

#### 2. Nội dung của luận văn

*Những mặt thành công:*

- Chương 1 đã giải quyết một số nhiệm vụ lý thuyết và pháp lý cơ bản của đề tài: khái niệm, đặc điểm và quy định pháp luật về hôn nhân có



yếu tố nước ngoài. Khái niệm, nội dung, đối tượng, vai trò và các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Những nội dung phân tích lý thuyết đã có cơ sở cho việc khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài ở chương 2.

- Chương 2 đã phân tích các yếu tố đặc thù của tỉnh Long An có ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài (2.1), phân tích thực trạng và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài (2.2 và 2.3). Lô-gích của chương 2 phù hợp với nội dung quản lý nhà nước về quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài được phân tích về mặt lý thuyết, pháp lý ở chương 1 (theo 4 nội dung: ban hành văn bản và chỉ đạo triển khai thực hiện; bố trí công chức và tổ chức bộ máy; tổ chức thực hiện quy định pháp luật; thanh tra kiểm tra).
- Chương 3 đã phân tích hai nội dung cơ bản: quan điểm và định hướng hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài; những giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Nhìn chung những nhóm giải pháp này khá đa dạng, hợp lý, có cơ sở, có tính khả thi.

#### ***Những mặt hạn chế:***

- Tên mục 1.1 không nên đặt là cơ sở lý luận và pháp lý mà nên đặt là những vấn đề chung hoặc những vấn đề lý thuyết bởi nếu phân tích cơ sở lý luận thường cho hoạt động nào đó (xây dựng và thực hiện pháp luật).
- Tiêu mục 1.2.3 và 1.2.4 không nên đặt trong mục 1.2 Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài bởi vai trò của quản lý nhà nước và các yếu tố tác động không thuộc nội dung quản lý nhà nước tức không thuộc mục 1.2.
- Tên mục 2.2 không nên đặt là “*thực tiễn quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*” vì thực tiễn không hẳn là thực trạng như tên của chương.
- Có phân tích đặc điểm hôn nhân có yếu tố nước ngoài nhưng chưa phân tích đặc điểm của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

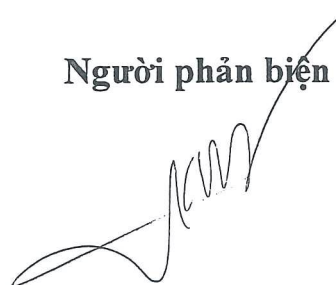
- Những nội dung mô tả có rất ít số liệu minh chứng (trừ nội dung mô tả công tác bố trí công chức và tổ chức bộ máy từ trang 38-40, nhưng không dẫn nguồn tài liệu tham khảo).
- Những đánh giá mặt hạn chế và nguyên nhân của công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài (từ trang 49-57) hầu như không có minh chứng.
- Những kiến nghị dù đa dạng nhưng nội dung còn chung chung và hướng tới nghiệp vụ hộ tịch mà chưa đặt trọng tâm là công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

### 3. Kết luận chung

Mặc dù Luận văn còn một số hạn chế như đã phân tích ở trên nhưng về cơ bản tác giả đã cho thấy khả năng phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề có cơ sở khoa học, đáp ứng được yêu cầu đối với luận văn thạc sỹ. Luận văn có thể đưa ra bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận văn để nhận học vị thạc sỹ.

**Câu hỏi:** Tác giả cho biết đối tượng quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài là gì?

**Người phản biện**



**PGS.TS ĐỖ MINH KHÔI**

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

NGHỊ QUYẾT  
CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-HVKHXH, ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ cho học viên cao học: Nguyễn Thị Hồng Huệ sinh ngày 13/3/1988

Tên đề tài luận văn: Quan hệ giữa môi trường và kinh tế xã hội ở vùng nông thôn miền Tây Nam Bộ

Ngành: Luật và luật kinh tế; Mã số: 838.01.02

Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ đã họp vào hồi 12 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Trường Đại học Khoa học xã hội TP Hồ Chí Minh

Sau khi nghe học viên trình bày tóm tắt luận văn thạc sĩ, các phản biện đọc nhận xét, học viên trả lời các câu hỏi, Hội đồng đã họp, trao đổi ý kiến và thống nhất kết luận:

1. Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa lí luận và thực tiễn của đề tài luận văn.

- Đề tài có tính cấp thiết, có ý nghĩa lí luận và thực tiễn

2. Bố cục, phương pháp nghiên cứu, tài liệu tham khảo của luận văn.

- Về cấu trúc, phương pháp nghiên cứu hợp lý

3. Kết quả nghiên cứu:

- Về luận văn:

Đã phân tích và đề xuất ý kiến, chỉ ra thiếu sót và đưa ra một số giải pháp nâng cao hơn qua phân tích và

nữ tiến thân có ý chí học hỏi, vươn lên từ thị trấn Hồ Lạng Sơn, một cơ sở pháp lý cấp huyện, địa phương.

- Về công trình khoa học (nếu có)

4. Hạn chế của luận văn (nếu có):

- Như nhận xét của phần 1, phần 2  
- Sự xếp lại các bài mua sắm công vụ

5. Đánh giá chung:

- Luận văn của một số hạn chế của luận văn 4 của Nghị quyết này;  
- Luận văn đáp ứng yêu cầu của luận văn 4 của Nghị quyết này.  
- Luận văn của một số hạn chế của luận văn 4 của Nghị quyết này.

6. Kết quả bỏ phiếu chấm luận văn của Hội đồng:

Luận văn đạt 8,5 điểm.

7. Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên:

- Đề nghị Học viện Khoa học xã hội công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ ngành Luật Hiến pháp và luật tố tụng cho Học viên Nguyễn Thị Hồng Cui

Nghị quyết này được 5/5 thành viên của Hội đồng nhất trí thông qua.

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**

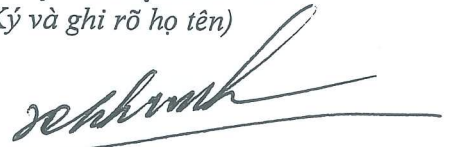
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Văn Đức

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**XÁC NHẬN CỦA HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2018

**BẢN GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬA LUẬN VĂN  
THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ**

Họ tên học viên: **Nguyễn Thị Hồng Cúc**

Đề tài luận văn: Quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn tỉnh Long An

Ngành: Luật Hiến pháp và luật Hành chính

Mã số: 8380102

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Thái Thị Tuyết Dung**

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Học viện Khoa học xã hội theo Quyết định số: 1738/QĐ-HVKHXH ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ,

**1. Yêu cầu chỉnh sửa của Hội đồng:** *(ghi cụ thể từng nội dung cần sửa chữa thuộc các chương, mục, tiểu mục, trang...theo thứ tự trong luận văn).*

- Đổi tên mục 1.1, mục 2.2.

- Thay đổi vị trí của tiểu mục 1.2.3 và tiểu mục 1.2.4 trong mục 1.2 quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- Phân tích thêm đặc điểm của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- Làm rõ vai trò của quản lý nhà nước thuộc chương 1, mục 1.2, tiểu mục 1.2.3, trang 28.

- Dẫn nguồn tài liệu tham khảo trong nội dung “Công tác bố trí công chức và tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài” thuộc chương 2, mục 2.2, tiểu mục 2.2.2, trang 38 – 40.

- Minh chứng cho phân đánh giá hạn chế và nguyên nhân của công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thuộc chương 2, mục 2.3, tiểu mục 2.3.2, trang 46 – 49, tiểu mục 2.3.3, trang 49 - 57.

- Cần trình bày rõ quan điểm và định hướng của tác giả về quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thuộc chương 3, mục 3.1, trang 60.

- Làm rõ những kiến nghị đặt trọng tâm vào công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại chương 3.

- Không đặt nội dung tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm vào phần kiến nghị hoàn thiện pháp luật thuộc chương 3, mục 3.2, tiểu mục 3.2.1, trang 70.

- Bổ sung hoạt động thanh tra, kiểm tra vào phần kiến nghị.

**2. Học viên đã chỉnh sửa:** *(ghi cụ thể từng nội dung đã sửa chữa thuộc các chương, mục, tiểu mục, trang...theo thứ tự trong luận văn)*

- Đổi tên mục 1.1 từ “Cơ sở lý luận và pháp lý về hôn nhân có yếu tố nước ngoài” thành “Những vấn đề lý thuyết về hôn nhân có yếu tố nước ngoài”; mục 2.2 từ “Thực tiễn quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An” thành “Tình hình quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An”.

- Đã đổi tiêu mục 1.2.3 thành mục 1.3; tiểu mục 1.2.4 thành mục 1.4.

- Đã bổ sung đặc điểm của quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài trong chương 1, mục 1.2, tiểu mục 1.2.2, trang 28.

- Đã làm rõ vai trò của quản lý nhà nước thuộc chương 1, mục 1.3, trang 28 – 30.

- Dẫn nguồn tài liệu tham khảo trong nội dung “Công tác bố trí công chức và tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài” thuộc chương 2, mục 2.2, tiểu mục 2.2.2, trang 39 – 41, nguồn là báo cáo số 282/BC-UBND ngày 28/11/2017 của UBND tỉnh Long An tương ứng với tài liệu số 46 trong Danh mục tài liệu tham khảo.

- Đã minh chứng cho phần đánh giá hạn chế và nguyên nhân của công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài thuộc chương 2, mục 2.3, tiểu mục 2.3.2, trang 50 - 54, tiểu mục 2.3.3, trang 54 - 58.

- Đã bổ sung quan điểm và định hướng của tác giả về quản lý nhà nước.

- Đã làm rõ những kiến nghị đặt trọng tâm vào công tác quản lý nhà nước về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, có bổ sung hoạt động thanh tra, kiểm tra và phần kiến nghị

- Đã bỏ nội dung “tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm” trong phần kiến nghị hoàn thiện pháp luật thuộc chương 3, mục 3.1, trang 60 – 63.

Trên đây là toàn bộ giải trình các nội dung chỉnh sửa luận văn theo kết luận của Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ. Học viên kính trình thầy/cô hướng dẫn và các cấp có thẩm quyền của Học viện Khoa học xã hội xem xét, quyết định./.

Ý KIẾN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Ý KIẾN NGƯỜI HƯỚNG DẪN

HỌC VIÊN



Nguyễn Thị Hồng Cơ

Nguyễn Thị Hồng Cơ

---